**CHỦ ĐỀ 2: BÀI 2**

**NHỮNG CUNG BẬC TÂM TRẠNG**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**TUẦN …. - Tiết: ....**

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết các đặc điểm của thể thơ song thất lục bát.

- Năng lực đọc hiểu các văn bản thơ song thất lục bát ngoài SGK.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của thể thơ song thất lục bát.

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ: chơi chữ, điệp thanh và điệp vần.

* Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,  - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của thể loại thơ song thất lục bát.  **Câu hỏi:**  - Em hãy nêu lại một số kiến thức chung về thể loại.  -Em hãy nêu chủ đề của tác phẩm văn học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét** | **I. TRI THỨC NỀN VỀ THỂ LOẠI THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**  1. **Khái niệm**  *\** *Song thất lục bát là thể thơ mà trong đó mỗi khổ thơ gồm hai câu 7 chữ ( song thất ), một câu sáu chữ, một câu tám chữ (lục bát). Bốn câu dài ngắn khác nhau tạo thành một khổ và luân phiên kéo dài bao nhiêu khổ cũng được.*  ***\**** *Đặc điểm cấu tạo của nhịp điệu thơ song thất lục bát là hai câu thất thường ngắt nhịp cố định 3 / 4 (khác với câu thất ngôn của thơ Đường luật thường ngắt nhịp 4 / 3), còn câu lục và câu bát có thể ngắt nhịp linh hoạt hơn. Như thế, hai câu ngát nhịp cố định đi liền với hai câu ngát nhịp bất định lặp đi lặp lại theo những chu kì. Cấu trúc nhịp điệu này rất thích hợp để diễn tả nhưng tâm trạng buồn triền miên, ít biến động. Về gieo vần, thể song thất lục bát có cả vần trắc và vần bằng, vần chân và vần lưng.*  ***2. Định hướng cách đọc hiểu thơ song thất lục bát.***  + Bài thơ bắt đầu bằng câu song thất hay lục bát?  + Xác định chủ đề, bố cục của bài thơ và mối quan hệ giữa các câu thơ trong bài.  + Tìm hiểu các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng. Chú ý nhịp điệu bài thơ và việc sử dụng từ ngữ để diễn tả tình cảm. |

**GIỚI THIỆU MỘT SỐ TÁC PHẨM THƠ VÀ ĐỀ SONG THẤT LỤC BÁT TIÊU BIỂU**

**HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về truyện truyền kỳ (cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ; chủ đề, tư tưởng, thông điệp….); cách đọc hiểu văn bản truyện truyền kỳ.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Mục tiêu:** giúp HS khắc sâucác đơn vị kiến thức đã học qua hệ thống các phiếu bài tập đọc hiểu. * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát phiếu bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, lần lượt thực hiện nhanh các phiếu.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.**  - GV mời phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. LUYỆN TẬP KĨ NẮNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **Các bài làm của học sinh** |

**CÁC NGỮ LIỆU NGOÀI SGK SỬ DỤNG LÀM ĐỀ LUYỆN ĐỌC HIỂU CHO HS**

***Khóc Dương Khuê* - Nguyễn Khuyến**

“Bác Dương thôi đã thôi rồi,

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta,

Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,

Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau,

Kính yêu từ trước đến sau,

Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?

Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,

Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo,

Có khi tầng gác cheo leo,

Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang,

Cũng có lúc rượu ngon cùng nhắp,

Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân,

Có khi bàn soạn câu văn,

 Biết bao đông bích, điển phần trước sau,

Buổi dương cửu cùng nhau hoạn nạn,

Phận đấu thăng chẳng dám tham trời,

Bác già, tôi cũng già rồi,

Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!

 Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,

Trước ba năm gặp bác một lần,

Cầm tay hỏi hết xa gần,

Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can,

 Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,

Tôi lại đau trước bác mấy ngày,

Làm sao bác vội về ngay,

Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời,

 Ai chẳng biết chán đời là phải,

Vội vàng sao đã mải lên tiên,

 Rượu ngon không có bạn hiền,

Không mua không phải không tiền không mua,

Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,

Viết đưa ai, ai biết mà đưa,

 Giường kia treo những hững hờ,

Đàn kia gẩy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn,

Bác chẳng ở dẫu van chẳng ở,

Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương,

Tuổi già hạt lệ như sương,

Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan."

**\*Chú thích:**

- Nguyễn Khuyến (1835 – 1909) hiệu là Quế Sơn, tên lúc nhỏ là Nguyễn Thắng, sinh tại quê ngoại là xã Hoàng Xá (nay thuộc Yên Trung), huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Ông xuất thân trong một gia đình nhà Nho nghèo.

- Năm 1864, ông đỗ đầu trong kỳ thi Hương. Nhưng mấy kì thi sau lại trượt, cho đến năm 1871, ông mới đỗ đầu cả kỳ thi Hội và thi Đình.

- Ông được người đời gọi là Tam Nguyên Yên Đổ (do đỗ đầu cả ba kỳ thi).

- Tuy vậy, ông chỉ làm quan có hơn mười năm, còn lại cuộc đời đều sống thanh bạch bằng nghề dạy học tại quê nhà.

- Nguyễn Khuyến là một người tài năng, có tấm lòng yêu nước thương dân.

- Sáng tác của ông bao gồm cả chữ Hán và chữ Nôm với hơn 800 bài gồm nhiều thể loại: thơ, văn, câu đối nhưng chủ yếu là thơ.

- Thơ ông thường viết về đề tài tình yêu quê hương đất nước, bạn bè, gia đình; phản ánh cuộc sống của những con người thuần hậu, chất phác; châm biếm đả kích bọn thực dân xâm lược…

- Một số tác phẩm tiêu biểu: Quế Sơn thi tập, Yên Đổ thi tập, Bách liêu thi văn tập, Cẩm Ngữ, cùng nhiều bài ca, hát ả đào, văn tế, câu đối truyền miệng…

\* **Nhà thơ Dương Khuê:**

- Dương Khuê (1839 – 1902) người làng Vân Đình, tổng Phương Đình, tỉnh Hà Đông (nay là Ứng Hòa, Hà Nội).

- Ông đỗ tiến sĩ năm 1868, làm quan đến chức Tổng đốc Nam Định, Ninh Bình. Ông là bạn của Nguyễn Khuyến.

\* Văn bản Khóc Dương Khuê:

- Được viết theo thể thơ song thất lục bát

- Ngôn ngữ bình dị

- Sử dụng kết hợp các biện pháp nghệ thuật: nói giảm nói tránh + các câu hỏi tu từ + điệp từ…

- Bố cục gồm 3 phần:

+ Phần 1. Hai câu thơ đầu: Nỗi đau mất bạn của nhà thơ.

+ Phần 2. Tiếp theo đến “Mừng rằng bác hãy tinh thần chưa can”: Hồi tưởng kỉ niệm đẹp đẽ về tình bạn.

+ Phần 3. Còn lại: Nỗi cô đơn của hiện tại.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1**

**Đọc bài thơ Khóc Dương Khuê và trả lời câu hỏi**

**Câu 1.** **Nội dung chính của bài thơ là gì?** Nhà thơ nhắc lại những kỉ niệm gì với bạn, theo trình tự nào?

**Trả lời:**

**Nội dung chính của bài thơ Khóc Dương Khuê**nói lên nỗi lòng đau xót khôn nguôi của tác giả trước việc người bạn tri kỉ đã qua đời.

Nhà thơ nhắc lại những kỉ niệm gì với bạn, theo trình tự:

Cách 1

- Nhà thơ nhắc lại những kỉ niệm: từ thuở đăng khoa sớm hôm cạnh nhau, khi chơi nơi dặm khách nghe tiếng suối, khi từng gác cheo leo, nghe con hát cầm xoang, cùng uống rượu, có khi soạn câu văn, cùng nhau chung hoạn nạn…

- Trình tự: hồi tưởng của dòng cảm xúc thời gian.

**Câu 2.** Tình bạn thắm thiết, thủy chung giữa hai người được thể hiện như thế nào?

**Trả lời:**

Bác Dương thôi dã thôi rồi,

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.

- Câu thơ đọc lên nghe nhói đau, quặn thắt bởi cái sự không lành kia đến đột ngột quá. Câu lục ngắt nhịp 2/1/3 thể hiện đúng cái trường độ đứt đoạn của những tiếng nấc tắc nghẹn trong nỗi đau đến quá đỗi bất ngờ. Trong khi đó nhịp thơ dàn trải và đều đặn ở câu bát làm nỗi đau lan toả ra khắp không gian, trời đất. Một tượng đài đáng kính, đáng trọng trong lòng nhà thơ vừa mất đi một cách quá bàng hoàng khiến người trong cuộc choáng váng, tiếc nuối mà biết rằng không thể cưỡng lại được.

- Đau gắn với nhớ, càng nhớ càng đau. Hiện tại phũ phàng khơi gợi về những ngày tươi đẹp trong quá khứ đê rồi khi những ki niệm kia vụt tan thì hiện thực lại càng gợi sự đớn đau quặn thắt hơn. Câu thơ lặng lẽ trôi về quá khứ, dựng dậy cả một thời "quá khứ hoàng kim" của tình bạn, với mấy chục năm trời gắn bó:

+ Từ buổi đầu gặp gỡ ("thủa đăng khoa ngày trước") đến tận khi tóc bạc da mồi ("Bác già tôi cũng già rồi");

+ Có lúc thật phong lưu tài tử ("Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang") lại có khi chia sẻ cay đắng gian nan ("Buổi dương cửu cùng nhau hoạn nạn"),...

=> Dường như nỗi đau mất bạn như đang muốn tựa vào quá khứ để níu giữ một cái đã vĩnh viễn mất đi. Nguyễn Khuyến không đối diện với quá khứ mà sống cùng nó, sống trong nó. Cái chết không thể chôn vùi được những giá trị tinh thần cao quý. Tình bạn nặng trĩu trong từng câu chữ. Cái tình không chỉ là yêu thương, quý mến,... mà là "kính yêu" - cái tình cúa hai trí thức lớn. Đoạn thơ hồi tướng không ồn ào mà đằm thắm, thiết tha, sâu lắng.

**Câu 3.** Đây là một bài thơ có nghệ thuật tu từ đặc sắc. Hãy phân tích những biện pháp nghệ thuật tu từ thể hiện nỗi trống vắng của nhà thơ khi bạn qua đời.

**Trả lời:**

- Nghệ thuật nói giảm nói tránh “Bác Dương thôi đã thôi rồi”

- Nghệ thuật sử dụng các câu hỏi tu từ trong đoạn cuối bài thơ. Hàng loạt các câu thơ như: Làm sao bác vội về ngay; Vội vàng sao đã mải lên tiên, ... Để rồi lắng đọng trong những câu thơ hụt hẫng, chơi vơi

- Điệp từ không dùng rất hợp hoàn cảnh và đặc sắc. Chỉ một cặp lục bát mà chồng xếp 5 chữ không diễn tả thật đúng cái trống vắng khi mất bạn. Để rồi kết đọng trong tiếng khóc đáng thương của người bạn già tri kỉ. Câu thơ cuối buông nhẹ mà khơi gợi, xót đau, hờn tủi.

Bài thơ rất thành công trong nghệ thuật tu từ, nhất là nghệ thuật sử dụng các câu hỏi tu từ trong đoạn cuối của bài thơ.Ccó thể thấy hàng loạt các câu thơ như: Làm sao bác vội về ngay; Vội vàng sao đã mải lên tiên,... để rồi lắng đọng trong những câu thơ hụt hẫng, chơi vơi:

Rượu ngon không có bạn hiền,

Không mua không phải không tiền không mua.

Hư từ không dùng trong trường hợp này thật hợp và cũng thật sắc. Không mua rượu không phải vì không tiền, mà vì mất bạn. Không có tri kỉ thì độc ẩm chỉ tăng thêm nỗi xót xa. Chữ không tạo thành nghịch lí: Có tiền mà không mua. Chuyện uống rượu đối với nhà thơ đã thành "nghĩa tửu" bởi thế mà nó không chỉ còn là câu chuyện vật chất tầm thường nữa. Chỉ một cặp lục bát mà chồng xếp 5 chữ không diễn tả thật đúng cái trống vắng khủng khiếp khi mất bạn: Câu thơ không viết, câu thơ không biết đưa ai, chiếc giường treo không bạn, tiếng đàn ngơ ngẩn không tri âm. Ý thơ trống vắng, chơi vơi để rồi kết đọng trong tiếng khóc đáng thương của người bạn già tri kỉ:

Tuổi già hạt lệ như sương,

Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan!

Ngoài những nghệ thuật tu từ đặc sắc trên, bài thơ cũng sử dụng nhiều biện pháp tu từ khác như: nói giảm ("Bác Dương thôi đã thôi rồi"), nhân hóa ("nước mây man mác"), cách nói so sánh ("tuổi già giọt lệ như sương"), sử dụng lối liệt kê (có lúc, có khi, cũng có khi,...) nhằm tái hiện những kỉ niệm về tình bạn thân thiết và tấm lòng của nhà thơ với bạn.

**Câu 4.** Bài thơ “[**Khóc Dương Khuê**](https://bigone.vn/khoc-duong-khue-ang-tho-bat-hu-ve-tinh-ban-tri-ky-hiem-co-kho-tim-a767.html)”, Nguyễn Khuyến đã gửi gắm trọn vẹn thông điệp về một tình bạn cao cả, thủy chung, gắn bó và chân thành, không có sự cách biệt về không gian hay thời gian nào có thể phai nhòa đi tình bạn ấy.

Khoảng cách cộng với vinh hoa quý phú cũng không làm mai một đi tình bạn cao đẹp, tuy nhiên trước ngưỡng cửa của sinh lão bệnh tử, có mấy ai mà tránh được.

**Câu 5.** Bài thơ Khóc Dương Khuê giúp em nhận thức gì về tình bạn, tình người trong cuộc sống?

- Bài thơ giúp em hiểu rằng tình bạn là thứ tình cảm vô cùng thiêng liêng, cao quý trên cuộc đời này. Chính vì vậy, chúng ta cần quý trọng tình bạn chân thành.

- Tình bạn là thứ tình cảm vô cùng đẹp đẽ, đáng trân trọng trong cuộc đời này.

- Giúp em nhận thức được những tình cảm đáng quý, thiết tha sâu nặng giữa những người tri kỷ, đồng thời ca ngợi, trân trọng và giữ gìn tình bạn mà mình đang có.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2**

**Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới**

*Bác Dương thôi đã thôi rồi,*

*Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.*

*Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,*

*Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau;*

*Kính yêu từ trước đến sau,*

*Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?*

*Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,*

*Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo;*

*Có khi từng gác cheo leo,*

*Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang.*

*Cũng có lúc rượu ngon cùng nhắp,*

*Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân.*

*Có khi bàn soạn câu văn,*

*Biết bao đông bích, điển phần trước sau.*

(*Khóc Dương Khuê* - Nguyễn Khuyến)

**Câu 1.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ: “Bác Dương thôi đã thôi rồi”.

**Câu 2.** Nêu nghĩa của từ “xuân” trong câu thơ: “Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân”.

**Câu 3**. Đoạn thơ trên cho anh/chị suy nghĩ gì về tình bạn của học sinh thời nay?

**Lời giải**

**Câu 1:** (1 điểm)

      - Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ “Bác Dương thôi đã thôi rồi”: nói giảm (nói tránh).

      - Tác dụng: nhà thơ sợ phải nhắc đến một sự thật đau đớn; thể hiện tình cảm buồn thương, nuối tiếc… trong lòng mình.

**Câu 2:** (1 điểm)

      Nghĩa của từ “xuân” trong câu thơ “Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân” chỉ chất men say của rượu ngon, đồng thời cũng có nghĩa bóng chỉ sức sống dạt dào, tình cảm thắm thiết của bạn bè…

**Câu 3:** (2 điểm)

      Suy nghĩ về tình bạn của học sinh thời nay.

      - Ở câu này, giám khảo chấm điểm linh hoạt. Chỉ cho điểm tối đa khi học sinh viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

      - Học sinh trình bày suy nghĩ của mình với thái độ chân thành, nghiêm túc, có thể theo định hướng sau:

      + Quan niệm về tình bạn, biết phân biệt các biểu hiện tốt và chưa tốt trong tình cảm bạn bè ở tuổi học sinh…

      + Thấy được tầm quan trọng, ý nghĩa của tình bạn…

      + Bản thân phải làm gì để có tình bạn đẹp, có những người bạn tốt …

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 3**

**Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

## *Bác Dương thôi đã thôi rồi*

*Nước mây man mác ngậm mùi lòng ta*

*Nước từ thuở đằng khoa ngày trước,*

*Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau.*

(*Khóc Dương Khuê* - Nguyễn Khuyến)

**Câu 1.** Xác định những phương thức biểu đạt đc sử dụng trong đoạn thơ trên?

**Câu 2.** Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ có trong đoạn thơ?

**Câu 3.** Từ đoạn thơ trên , anh/chị hãy viết đoạn văn ngắn cảm nhận về tình bạn của Nguyễn Khuyến với Dương Khuê.

**Lời giải**

1. Những phương thức biểu đạt được sử dụng là: biểu cảm, tự sự

2. Biện pháp tu từ được sử dụng:

      - Nói giảm nói tránh "thôi đã thôi rồi" -> nhằm làm giảm những đau thương mất mát khi Nguyễn Khuyến khóc người bạn thân của mình.

      - Nhân hóa "nước mây man mác", "nước từ thuở đằng khoa ngày trước" diễn tả sự đau thương nhuốm cả cảnh vật (Bởi "Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ") Non nước như cũng ngậm ngùi khóc thương người bạn của Nguyễn Khuyến.

3. Tình bạn giữa Nguyễn Khuyến với Dương Khuê là tình bạn chân thành và sâu sắc. Bởi qua lời thơ ai oán đau thương, chân tình ấy ta thấy được nỗi đau của Nguyễn Khuyến trước sự ra đi của bạn.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 4**

**Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới**

*Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,*

*Tôi lại đau trước bác mấy ngày;*

*Làm sao bác vội về ngay,*

*Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.*

*Ai chẳng biết chán đời là phải,*

*Sao vội vàng đã mải lên tiên;*

*Rượu ngon không có bạn hiền,*

*Không mua không phải không tiền không mua.*

*Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,*

*Viết đưa ai, ai biết mà đưa.*

*Giường kia treo cũng hững hờ,*

*Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn.*

(*Khóc Dương Khuê* - Nguyễn Khuyến)

**Câu 1:** Tóm tắt nội dung đoạn thơ bằng một câu không quá 20 chữ ( 0.25 điểm)

**Câu 2:** Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ gì? Cho biết cách hiệp vần của thể thơ đó ( 0.5 điểm)

**Câu 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ từ câu 5  đến câu 8 (0.5 điểm)

**Câu 4:**

*Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,*

*Viết đưa ai, ai biết mà đưa.*

      Anh/ chị hãy cho biết : tại sao tác giả lại “ đắn đo không viết” ? Hai câu thơ trên cho  thấy mối quan hệ của Nguyễn Khuyến và Dương Khuê như thế nào? ( 0.25 điểm)

**Lời giải**

**Câu 1:** Nỗi đau khôn tả của Nguyễn Khuyến khi mất bạn ( hoặc : nỗi đau rụng rời, hụt hẫng trước sự ra đi vĩnh viễn của bạn)

**Câu 2:**

      - Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ song thất lục bát

      - cách hiệp vần của thể thơ song thất lục bát như sau:

      + ở cặp song thất, tiếng cuối của câu 1 vần với tiếng thứ 5 của câu 2;

      + ở cặp lục bát, tiếng cuối câu lục vần với tiếng thứ 6 câu bát;

      + Cặp song thất và cặp lục bát vần với nhau theo cách tiếng cuối của câu thất thứ 2 vần với tiếng cuối câu lục.

**Câu 3:**

      - Các biện pháp tu từ : nói giảm ( lên tiên – chết ); điệp từ ( từ “ không” lặp lại 5 lần )

      - Tác dụng:

      + dùng cụm từ “ lên tiên” để nói về cái chết nhằm xoa dịu nỗi đau;

      + Điệp từ “ không” nhằm nhấn mạnh nỗi đau hụt hẫng trước sự ra đi vĩnh viễn của ban

**Câu 4:** Nguyễn khuyến “ đắn đo không viết” là vì bạn đã mất rồi, còn ai đọc thơ mình nữa mà viết. Hai câu thơ cho thấy giữa Nguyễn Khuyến và Dương Khuê là một tình bạn tri âm tri kỉ.

1. **CHINH PHỤ NGÂM KHÚC – TÁC GIẢ: ĐẶNG TRẦN CÔN**

**DỊCH GIẢ: ĐOÀN THỊ ĐIỂM.**

**1/ Tác giả Đặng Trần Côn và dịch giả Đoàn Thị Điểm**

**a. Đặng Trần Côn**

Đặng Trần Côn là tác giả của Chinh phụ ngâm, kiệt tác văn học viết bằng chữ Hán của Việt Nam.Tiểu sử của Đặng Trần Côn cho đến nay biết được còn rất ít. Kể cả năm sinh năm mất cũng không biết chính xác. Các nhà nghiên cứu ước đoán ông sinh vào khoảng năm 1710 đến 1720, mất khoảng 1745, sống vào thời vua Lê Chúa Trịnh. Đặng Trần Côn quê ở làng Nhân Mục (còn gọi làng Mọc), huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, tức Hà Tây ngày nay. Ông đỗ Hương cống, nhưng thi Hội thì hỏng. Sau đó làm huấn đạo trường phủ, rồi tri huyện Thanh Oai, sau thăng chức Ngự sử đài đại phu. Có một vài giai thoại về Đặng Trần Côn. Tương truyền lúc ấy chúa Trịnh Giang cấm nhân dân Thăng Long ban đêm không được đốt lửa, để đèn sáng, ông phải đào hầm dưới đất, thắp đèn mà học. Khi mới làm thơ, Đặng Trần Côn có đem đến cho bà Đoàn Thị Điểm xem, Đoàn Thị Điểm cười nói: "nên học thêm sẽ làm thơ." Ngoài Chinh phụ ngâm, Đặng Trần Côn có một số bài thơ, bài phú tả cảnh thiên nhiên, nhưng chỉ còn lưu lại một số bài như *Tiêu tương bát cảnh*, ba bài phú *Trương Hàn tư thuần lô*, *Trương Lương bố y*,*Khấu môn thanh*. Khuynh hướng chung của thơ văn ông là đi sâu vào tình cảm, đi sâu vào nỗi lòng trắc ẩn, phức tạp, sâu kín của con người, nhất là đối với người phụ nữ.

**b. Đoàn Thị Điểm**

Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm (段氏點) sinh năm 1705 tại làng Giai Phạm, huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh) mất năm 1748 tại tỉnh Nghệ An. Bà có tài, có sắc, thông minh từ nhỏ, học vấn uyên bác, viết nhiều tác phẩm bằng chữ Hán và chữ Nôm. Tác phẩm nổi tiếng nhất của bà là bản dịch *Chinh phụ ngâm* (Khúc ngâm của người vợ có chồng đi chiến trận). Khúc ngâm này nguyên tác bằng chữ Hán của nhà thơ Đặng Trần Côn (1715-1750) quán làng Nhâm Mục (làng Mọc) thuộc Kinh thành Thăng Long. Ðoàn Thị Ðiểm hiệu Hồng Hà nữ sĩ, con của Ðoàn Doãn Nghi, em danh sĩ Ðoàn Doãn Luân. Tổ quán vốn ở xã Hiến Phạm, huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc, sau bà và mẹ về ở với anh ở huyện Ðường Hào, tỉnh Hải Dương (nay là Hải Hưng). Năm 16 tuổi, Thượng thư Lê Anh Tuấn muốn xin bà làm con nuôi rồi ngỏ ý muốn tiến bà vào cung chúa Trịnh, nhưng chỉ ở ít lâu bà xin về, cùng với anh cần cù học tập trở nên người sành văn chương. Khi người anh mất, bà đảm nhận gánh nặng gia đình. Bấy giờ bà đã nhiều tuổi mà vẫn chưa lấy chồng. Nhiều người đến hỏi, trong đó có cả những kẻ quyền quý (như công tử làng Hoạch Trạch là Nhữ Ðình Toản; Thượng thư làng Kim Lũ....), bà đều từ chối. Năm 37 tuổi, bà lập gia đình với Tiến sĩ Nguyễn Kiều, người làng Phú Xá, huyện Từ Liêm. Năm 1748, ông được cử làm Tham thị ở Nghệ An. Ngày cùng chồng lên đường đến nhiệm sở mới, bà bệnh nặng rồi mất ở Nghệ an ngày 11/09/1748. Đặng Trần Côn viết Chinh phụ ngâm để ghi nhận một hiện thực lịch sử của đất nước. Trải bao thế kỷ, dân tộc ta phải đương đầu chống giặc ngoại xâm, trai tráng trong nước phải tòng quân giết giặc, những người phụ nữ phải đảm nhiệm công việc gia đình, đồng ruộng. Và kiên trì chờ đợi ngày về của người lính chiến. Tình trạng ấy cũng diễn ra trong đời sống của tác giả và dịch giả là thời Trịnh Nguyễn phân tranh, nạn binh hỏa liên miên không dứt. Dịch *Chinh phụ ngâm* từ thơ chữ Hán sang thơ tiếng Việt, Đoàn Thị Điểm không làm công việc chuyển dịch bình thường. Bà đã tạo nên một công trình văn học dịch có giá trị cao, không những sát với nguyên tác mà có phần còn vượt nguyên tác.

Tâm tư và cảnh ngộ của bà giống hệt tâm tư cảnh ngộ của người vợ trong khúc ngâm. Vì vậy, tuy là dịch thơ mà bà đã "dịch" chính đời mình ra thơ:

"Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên"  
Đời bà vất vả thế. Ba mươi bảy tuổi lấy chồng (ông tiến sĩ Nguyễn Kiều). Lấy chồng được một tháng, chồng đi sứ ba năm. Cảnh tiễn biệt:  
 "Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy  
 Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu  
 Ngàn dâu xanh ngắt một màu  
 Lòng chàng ý thiếp, ai rầu hơn ai?"  
Chồng đi vắng, vợ ở nhà vừa làm nhiệm vụ con trai nuôi mẹ vừa làm nhiệm vụ người cha dạy con:  
"Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam  
 Dạy con đèn sách, thiếp làm phụ thân  
 Nay một thân nuôi già dạy trẻ  
 Nỗi quan hoài mang mẻ xiết bao"  
Sau thời gian đi sứ, ông Nguyễn Kiều về. Sum họp chẳng được bao lâu, ông được lệnh vào trị nhậm ở Nghệ An. Bà đi cùng với ông. Mới vào đến Nghệ An, chẳng may bà bị bệnh, mất đột ngột, không thực hiện được câu thơ:  
 *"*Liên ngâm, đối ẩm đòi phen  
 Cùng chàng lại kết mối duyên đến già  
 Cho bõ lúc sầu xa cách nhớ  
 Giữ gìn nhau vui thuở thanh bình"  
Đoàn Thị Điểm cùng với Bà Huyện Thanh Quan và Hồ Xuân Hương là ba nhà thơ nữ kiệt xuất trong văn học Việt Nam xưa, góp phần làm vẻ vang cho văn học Việt Nam nói chung và văn học nữ giới Việt Nam nói riêng. Bản dịch Chinh phụ ngâm của Đoàn Thị Điểm đã phổ biến sâu rộng, được rất nhiều người yêu thích và ngâm nga truyền miệng như văn học dân gian.

**2/ Tác phẩm Chinh phụ ngâm khúc**

*Chinh phụ ngâm* được viết bằng chữ Hán, do tác giả Đặng Trần Côn sáng tác vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII. Đây là thời kì vô cùng rối ren của xã hội phong kiến. Chiến tranh xảy ra liên miên, hết Lê-Mạc đánh nhau đến Trịnh-Nguyễn phân tranh, đất nước chia làm hai nửa. Ngai vàng của nhà Lê mục ruỗng. Nông dân bất bình nổi dậy khởi nghĩa ở khắp nơi. Nhân dân sống trong cảnh loạn li nồi da nấu thịt, cha mẹ xa con, vợ xa chồng. Văn học thời kì này tập trung phản ánh bản chất tàn bạo, phản động của giai cấp thống trị và nỗi đau khổ của những nạn nhân trong chế độ thối nát ấy. Tác phẩm *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn ra đời đã nhận được sự đồng cảm rộng rãi của tầng lớp Nho sĩ. Nhiều bản dịch xuất hiện, trong đó bản dịch sang chữ Nôm của bà Đoàn Thị Điểm được coi là hoàn hảo hơn cả, thể hiện thành công lẫn trị nội dung và nghệ thuật của nguyên tác.

Nội dung *Chinh phụ ngâm* phản ánh thái độ oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa, đặc biệt là đề cao quyền sống cùng khao khát tình yêu và hạnh phúc lứa đôi của con người. Đó là điều ít được nhắc đến trong thơ văn trước đây.

Bằng bút pháp nghệ thuật điêu luyện, tác giả đã diễn tả được những diễn biến phong phú, tinh vi các cung bậc tình cảm của người chinh phụ. Cảnh cũng như tình được miêu tả rất phù hợp với diễn biến của tâm trạng nhân vật.

Thông qua tâm trạng đau buồn của người chinh phụ đang sống trong tình cảnh lẻ loi vì chồng phải tham gia vào những cuộc tranh giành quyền lực của các vua chúa, tác giả đã đề cao hạnh phúc lứa đôi và thể hiện tinh thần phản kháng đối với chiến tranh phi nghĩa. Tác phẩm Chinh phụ ngâm đã toát lên tư tưởng chủ đạo trong văn chương;một thời, đó là tư tưởng đòi quyền sống quyền được hưởng hạnh phúc rất chính đáng của con người.

****

**ÐỀ TÀI VÀ NGUỒN CẢM HỨNG CỦA TÁC GIẢ, DỊCH GIẢ.**

- Ðề tài chiến tranh, chinh phu, chinh phụ là đề tài truyền thống và phổ quát của nhiều nền văn học.

-Tác giả và dịch giả Chinh phụ ngâm có phần đã tìm nguồn thi hứng từ những trang sách cổ. ***Nhưng cái chính là nguồn cảm hứng của cả hai đều bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống .***

**THỂ LOẠI, BÚT PHÁP, BỐ CỤC.**

**1.Thể loại:**Tìm hiểu đặc trưng thể loại để xác định phương pháp tiếp cận tác phẩm. Chinh phụ ngâm là tác phẩm trữ tình, tác phẩm chỉ có một nhân vật -người chinh phụ- hình tượng cảm nghĩ. Toàn bộ khúc ngâm chỉ là sự diễn tả tâm trạng của người chinh phụ. Do đó phương pháp tiếp cận tác phẩm là phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật trữ tình. 

**2**. **Bút pháp:** Tác phẩm được viết với bút pháp tượng trưng, ước lệ là chủ yếu. Khi phân tích phải đặc biệt chú ý đặc điểm này.  

**3. Bố cục:**  Nguyên văn bằng chữ Hán gồm 477 câu. Bản dịch do nhà xuất bản Văn Hóa in có 408 câu. Bản in của nhà in Tân Việt có 412 câu. Có thể chia tác phẩm làm ba phần như sau:

       - Phần 1:Bốn câu đầu, phần này có giá trị như phần đặt vấn đề.

* Phần 2: Tiếp đến câu 369 (Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn) đây là phần chính của khúc ngâm miêu tả tâm trạng của người chinh phụ với nhiều sắc thái khác nhau.

Phần3: Phần kết thúc tác phẩm với ước mơ sum họp trong cảnh thanh bình.

**VỀ NỘI DUNG**

Chinh phụ ngâm là tiếng nói thiết tha với hạnh phúc tình yêu,tiếng nói khao khát hạnh phúc, khao khát hòa bình của dân tộc ta trong một thời đại nhất định. Tiếng nói ấy càng có ý nghĩa hơn bao giờ hết vì nó là tiếng nói của một người phụ nữ- nạn nhân đau khổ nhất của chế độ cũ. Ðương thời tác phẩm đã góp phần vào cuộc đấu tranh cho quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của con người, đấu tranh chống áp bức của giai cấp thống trị.

**VỀ NGHỆ THUẬT**

**-Trong Chinh phụ ngâm nghệ thuật ước lệ được sử dụng một cách phổ biến.**         

- Kết cấu chặt chẽ, miêu tả được sự diễn biến phong phú, tinh vi trong tâm tình chinh phụ theo một trình tự lôgic tâm lí chặt chẽ bảo đảm sự thống nhất. Tác giả đã gắn tâm lí với hoàn cảnh, tôn trọng quy luật tâm lí. Ðau khổ tăng dần, nhận thức về chiến tranh cũng diễn biến. Ðây là kết quả của một quá trình suy ngẫm và thể hiện.

          -Tác giả đã chú ý tả cảnh để tả tình, tình cảnh có khi thống nhất hoặc mâu thuẫn.

          -Tác giả đã sử dụng thủ pháp trùng điệp (láy lại), liên hoàn (nối tiếp), chiếu ứng (so sánh) để tạo ra những đợt sóng cảm xúc.

          -Tác giả đã chú ý khai thác nhiều yếu tố tâm lí như liên tưởng, hồi tưởng, tưởng tượng.

          -Ngôn ngữ điêu luyện: Chinh phụ ngâm có cả một kho từ vựng diễn tả tình cảm u sầu với những sắc thái khác nhau.

          \*Tóm lại tác giả đã miêu tả tâm trạng của chinh phụ khá sâu sắc và tâm trạng ấy phản ánh con người Việt Nam- con người thiết tha với hạnh phúc. Vì thế tác phẩm giúp chúng ta hiểu con người Việt Nam trong hiện tại.

**Bản dịch được coi như là một sáng tác phẩm có giá trị độc lập tương đối với nguyên tác.**

MỘT SỐ ĐỀ ĐỌC HIỂU

ĐỀ SỐ 1

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

**Buổi tiễn đưa**

**( TRÍCH: *CHINH PHỤ NGÂM KHÚC* – DỊCH GIẢ: ĐOÀN THỊ ĐIỂM )**

*Đường giong ruổi lưng đeo cung tiễn,  
Buổi tiễn đưa lòng bận thê noa.  
Bóng cờ tiếng trống xa xa,  
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.  
Chàng tuổi trẻ vốn giòng hào kiệt,  
Xếp bút nghiên theo việc đao cung.  
Thành liền mong tiến bệ rồng,  
Thước gươm đã quyết chẳng dung giặc trời.  
Chí làm trai dặm nghìn da ngựa,  
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.  
Giã nhà đeo bức chiến bào,  
Thét roi cầu Vị, ào ào gió thu.  
Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,  
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.  
Đưa chàng lòng dằng dặc buồn,  
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.  
Nước có chảy mà phiền chẳng rửa,  
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.  
Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,  
Bước đi một bước dây dây lại dừng.*

ĐỀ SỐ 2

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  
*Một năm một nhạt mùi son phấn,*  
*Trượng phu còn thơ thẩn miền khơi.*  
*Xưa sao hình ảnh chẳng rời?*  
*Giờ sao nỡ để cách vời Sâm, Thương?*   
*Chàng ruổi ngựa, dặm trường mây phủ,*  
*Thiếp dạo hài, lối cũ rêu in.  
Gió Xuân ngày một vắng tin,  
Khá thương lỡ hết mấy phen lương thì.*  
*(Trích Chinh phụ ngâm khúc, Đặng Trần Côn,* *"Chinh phụ ngâm khúc" và hai bản dịch Nôm, NXB Văn học, 2011, tr. 68)*

*Chú thích: \*Sâm, Thương*: Tên hai chòm sao trong Nhị thập bát tú. Chòm Sâm thuộc phương Tây, chòm Thương thuộc phương Đông. Hai chòm này ở vào hai vị trí đối nhau trên vòm trời, thường được nhắc tới trong văn thơ cổ, chỉ sự vĩnh viễn cách xa.

**Trả lời câu hỏi:**  
**Câu 1.** Xác định thể thơ, phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2.** Đoạn thơ trên biểu đạt tâm trạng, cảm xúc của nhân vật nào, trong hoàn cảnh nào?  
**Câu 3.** Nêu tác dụng của hình ảnh biểu tượng trong câu thơ thứ 4.  
**Câu 4.** Nêu hiệu quả của biện pháp nghệ thuật đối trong hai câu thơ sau:  
 *Xưa sao hình ảnh chẳng rời?*  
 *Giờ sao nỡ để cách vời Sâm, Thương?*  
**Câu 5.** Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích.  
**Gợi ý đáp án**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  
**Câu 2.** Đoạn thơ trên biểu đạt tâm trạng của người chinh phụ, trong hoàn cảnh chờ chồng đi chinh chiến chưa về.  
**Câu 3.** Những hình ảnh biểu tượng: Sao Thương, sao Sâm vừa tạo ấn tượng về sự xa cách vời vợi giữa chinh phu- chinh phụ - sự xa cách trải rộng trong không gian vũ trụ; vừa tạo tính hình tượng và sự hàm súc cho lời thơ.  
**Câu 4.**  
*Xưa sao hình ảnh chẳng rời?*  
*Giờ sao nỡ để cách vời Sâm, Thương?*  
Biện pháp nghệ thuật đối: Xưa - giờ; chẳng rời - cách vời.  
Tác dụng:  
- Nhấn mạnh sự đối lập giữa quá khứ hạnh phúc với hiện tại cô đơn, cách trở; biểu đạt sự cô đơn, nhớ nhung của người chinh phụ; thể hiện niềm đồng cảm của nhà thơ trước tình cảnh cô đơn, khát khao hạnh phúc lứa đôi trọn vẹn của con người; lên tiếng tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa.  
- Tạo giọng điệu da diết, khắc khoải cho lời thơ, làm cho lời thơ sinh động hấp dẫn, tăng hiệu quả diễn đạt.  
**Câu 5.**  
- Tâm trạng của chủ thể trữ tình trong đoạn trích: Cô đơn, sầu muộn, nhớ thương chồng, mong ước tái hợp.  
- Trạng thái tâm trạng đó không phải ngày một, ngày hai, mà da diết, triền miên. Tâm trạng ấy xuất phát từ khát khao hạnh phúc lứa đôi mãnh liệt của người chinh phụ. Từ tâm trạng ấy, người đọc còn cảm nhận được tư tưởng nhân đạo của tác phẩm: Tấm lòng đồng cảm của nhà thơ với cảnh ngộ, khát khao của nhân vật.

ĐỀ SỐ 3  
**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  
*Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,*  
*Đường bên cầu cỏ mọc còn non.*  
*Đưa chàng lòng dặc dặc buồn,*  
*Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.  
Nước có chảy mà phiền chẳng rửa*  
*Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.*  
*Nhủ rồi tay lại cầm tay,*  
*Bước đi một bước giây giây lại dừng.*

(Trích *Chinh phụ ngâm khúc*, Đặng Trần Côn, Bản dịch: Đoàn Thị Điểm)​  
**Trả lời câu hỏi:  
Câu 1.** Xác định thể thơ, phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích. **Câu 2.** Xác định nhân vật trữ tình trong đoạn trích. **Câu 3.** Đoạn trích miêu tả sự việc gì?  
**Câu 4.** Chỉ ra những từ ngữ miêu tả thiên nhiên trong đoạn trích, qua đó em cảm nhận được bức tranh thiên nhiên đó như thế nào? **Câu 5.** Chỉ ra những từ ngữ miêu tả tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích? Theo em, từ "dặc dặc buồn" có giá trị biểu đạt như thế nào?  
**Câu 6.** Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ sử dụng trong hai câu thơ sau:  
*Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,*  
*Đường bên cầu cỏ mọc còn non.*  
**Câu 7.**Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung hai câu thơ sau?  
*Nước có chảy mà phiền chẳng rửa,*  
*Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.* **Câu 8.** Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích.  
**Câu 9.** Nhận xét về giọng điệu của đoạn thơ trên? Theo em, thể thơ có tác dụng như thế nào trong việc biểu đạt giọng điệu của bài thơ?  
**Câu 10.**Miêu tả cảnh chia tay giữa Thúy Kiều và Từ Hải, Nguyễn Du viết: "Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong" và "Quyết lời dứt áo ra đi", còn trong đoạn thơ trên, tác giả viết: "Nhủ rồi tay lại cầm tay - Bước đi một bước giây giây lại dừng." Theo anh/chị, điểm khác biệt trong trạng thái cảm xúc của các nhân vật trong hai cảnh chia tay trên là gì? Thử lí giải vì sao lại có sự khác biệt ấy?

**Gợi ý đáp án**  
**Câu 1.**  
Thể thơ: song thất lục bát  
Phong cách ngôn ngữ: nghệ thuật  
Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  
**Câu 2.** Nhân vật trữ tình trong đoạn trích: Người chinh phụ  
**Câu 3.** Đoạn trích miêu tả cuộc chia tay giữa chinh phu – chinh phụ.  
**Câu 4.** Những từ ngữ miêu tả thiên nhiên trong đoạn trích: nước trong như lọc, cỏ mọc còn non, nước (có) chảy, cỏ (có) thơm. Qua đó, hiện lên bức tranh thiên nhiên đẹp, tươi sáng, đầy sức sống.  
**Câu 5.** Những từ ngữ miêu tả tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích: buồn, phiền, dạ chẳng khuây.  
Cụm từ "dặc dặc buồn" biểu đạt nỗi buồn dai dẳng, không nguôi, cứ kéo dài, kéo dài mãi...  
**Câu 6.**  
 *Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,*  
 *Đường bên cầu cỏ mọc còn non.*  
- Biện pháp tu từ: so sánh  
- Tác dụng:  
+ Tạo ấn tượng về vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên: xanh tươi, đầy sức sống;  
+ Làm cho câu thơ thêm sinh động, hấp dẫn, giàu tính nghệ thuật.  
**Câu 7.**  
 *Nước có chảy mà phiền chẳng rửa,*  
 *Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.*  
 Hai câu thơ trên có thể hiểu: Trong thời khắc chia ly, mặc dù những cảnh vật thiên nhiên xung quanh tươi đẹp, đầy sức sống nhưng không thể nào xua đi được nỗi phiền muộn trong lòng người.  
=> Tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa; thể hiện lòng cảm thông của tác giả.  
**Câu 8.** Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích:  
Trong buổi chia tay người chồng đi chinh chiến, trong lòng người chinh phụ ngổn ngang bao trạng thái cảm xúc:  
- Nỗi buồn sầu, phiền muộn vì phải chia xa người chồng đầu gối, tay ấp (*dặc dặc buồn, phiền chẳng rửa, dạ chẳng khuây*)  
- Bịn rịn, lưu luyến không nỡ chia lìa (*Nhủ rồi tay lại cầm tay - Bước đi một bước giây giây lại dừng*)  
**Câu 9.**  
- Nhận xét về giọng điệu của đoạn thơ trên: giọng điệu buồn, da diết.  
- Thể thơ song thất lục bát có âm điệu triền miên là một trong những yếu tố góp phần tạo nên giọng điệu buồn da diết của đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung.  
**Câu 10.**Miêu tả cảnh chia tay giữa Thúy Kiều và Từ Hải, Nguyễn Du viết: "Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong" và "Quyết lời dứt áo ra đi", còn trong đoạn thơ trên, tác giả viết:

"Nhủ rồi tay lại cầm tay - Bước đi một bước giây giây lại dừng."  
Điểm khác biệt trong trạng thái cảm xúc của các nhân vật trong hai cảnh chia tay trên là: cảnh chia tay giữa chinh phu – chinh phụ thì dùng dằng, lưu luyến, buồn sầu, còn cảnh chia tay Thúy Kiều – Từ Hải thì dứt khoát, nhanh chóng, không hề có nỗi buồn sầu ly biệt. Có sự khác biệt đó phải chăng vì:  
- Người chinh phu trong *Chinh phụ ngâm* ra đi không biết ngày nào trở lại, tương lai mịt mờ, nhiều bất trắc. Còn Từ Hải lên đường mang trong mình quyết tâm và sự tự tin chỉ một năm sau sẽ làm nên nghiệp lớn nên tạo cho Kiều cảm giác yên tâm, thanh thản.  
- Ở một phương diện khác, Nguyễn Du xây dựng nhân vật Từ Hải là người anh hùng cái thế, chí lớn ở bốn phương trời, "là con người của trời đất, của bốn phương" nên không thể bịn rịn vì tình cảm "nữ nhi thường tình" được – đó là dụng ý của tác giả.

ĐỀ SỐ 4

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy  
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu  
Ngàn dâu xanh ngắt một màu  
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*  
(Trích *Chinh phụ ngâm* - Bản dịch Đoàn Thị Điểm)

**Câu 1.** Đoạn thơ miêu tả tâm trạng của nhân vật trữ tình sau cảnh chia tay (giữa chinh phu - chinh phụ). Theo em, nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là ai?  
**Câu 2.** Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của phép điệp, phép đối trong khổ thơ trên.  
**Câu 3.** Đoạn thơ bộc lộ tâm trạng, cảm xúc gì của nhân vật trữ tình?  
**Câu 4.** Theo em, ý nghĩa biểu đạt của màu "xanh ngắt" trong câu thơ *Ngàn dâu xanh ngắt một màu* có giống với màu xanh trong câu thơ sau trích trong Truyện Kiều của Nguyễn Du không: *Cỏ non xanh tận chân trời.*  
**Câu 5.** Theo em, câu "*Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai*" có phải nhằm mục đích để cân đo đong đếm, so sánh giữa hai nỗi sầu của chinh phu và chinh phụ?  
**Câu 6.** Liên hệ với cuộc chia ly giữa Thúy Kiều và Từ Hải, em hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ bình luận về nét tương đồng hoặc khác biệt trong hai cuộc chia tay này.

**Gợi ý đáp án**  
**Câu 1.** Dựa vào cách xưng hô "chàng" (ngôi hai), "thiếp" (ngôi một), ta thấy, nhân vật trữ tình trong đoạn trích trên là người chinh phụ trong buổi tiễn chồng lên đường chinh chiến.  
**Câu 2.** Các phép tu từ trong đoạn thơ trên:  
- Phép điệp: Thấy - thấy; xanh xanh- xanh; ngàn dâu- ngàn đâu.  
- Phép đối: Trông lại / chẳng thấy; chẳng thấy/ thấy; lòng chàng/ ý thiếp.  
Tác dụng:  
- Góp phần miêu tả không gian mênh mông và màu xanh choán ngợp của ngàn dâu.  
- Tạo nên giọng điệu da diết, khắc khoải, góp phần biểu đạt thành công trạng thái dõi theo trong vô vọng, mịt mờ cùng tâm trạng hụt hẫng, tiếc nuối của người chinh phụ.

**Câu 3.** Tâm trạng của người chinh phụ trong cuộc chia tay trên là trạng thái hụt hẫng, tiếc nuối khi dõi theo người chinh phụ đến lúc bóng hình của chồng đã xa khuất, mất hút giữa ngàn dâu xanh ngắt. Còn lại một mình, người chinh phụ lúc này mới thấm thía tận cùng nỗi buồn đau, sầu muộn. Vì từ đây là cảnh li tan không biết khi nào hợp tụ.

**Câu 4.** Tuy cùng là màu xanh của cỏ, của cây, nhưng nếu màu xanh "tận chân trời" trong thơ Nguyễn Du là màu xanh của sức sống mùa xuân trải ra mênh mông, bất tận - thể hiện tâm trạng đắm say, rạo rực của lòng người trong tiết xuân sang thì màu "xanh ngắt" trong câu thơ dịch của Đoàn Thị Điểm lại gợi lên một cách ám ảnh sắc xanh đơn điệu "một màu" - gợi nỗi buồn, sự hụt hẫng bởi ngoài màu xanh ấy không còn hình bóng của người chồng mà chinh phụ đang dõi theo. Lúc trước, mọi ánh nhìn của chinh phụ đều hướng về chồng, chỉ nhìn thấy chồng, bây giờ người chồng đã khuất dạng, chỉ còn thấy màu xanh của ngàn dâu. Màu *"xanh ngắt"* vì thế không phải màu xanh của niềm tin, hi vọng mà dường như là nỗi u sầu của người chinh phụ đọng lại thành khối. Màu xanh dày đặc ấy như quấn lấy, cuốn đi sự khao khát được nhìn thấy nhau của hai người.

**Câu 5.** "*Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai"* là câu hỏi tu từ đầy ý xót xa. Không phải một câu oán trách, không phải một lời hờn giận hay dùng để cân đo đong đếm, so sánh giữa hai nỗi sầu. Câu thơ chỉ làm rõ hơn nữa nỗi sầu của người chinh phụ mà thôi.

**Câu 6.** *Cuộc chia tay giữa chinh phụ- chinh phụ trong đoạn thơ trên và cuộc chia tay giữa Từ Hải - Thúy Kiều trong đoạn trích Chí khí anh hùng đều là những cuộc chia tay chồng- vợ. Tuy nhiên, cảm xúc, suy nghĩ.. của nhân vật trong các cuộc tiễn đưa này không phải đều giống nhau. Nếu trong đoạn thơ của Chinh phụ ngâm, tình cảm lưu luyến, tiếc nuối, buồn sầu của người chinh phụ là cảm xúc chủ đạo bao trùm cảnh ly biệt thì trong đoạn trích Chí khí anh hùng, cảm xúc của Thúy Kiều chỉ được miêu tả thoáng qua, trở thành phông nền để khắc họa chân dung Từ Hải. Không phải Kiều, Từ Hải mới là nhân vật trung tâm của cảnh tiễn đưa. Không buồn thương, sầu não, bịn rịn, cảnh ly biệt giữa Thúy Kiều- Từ Hải mang đậm màu sắc lí tưởng hóa. Hình ảnh người anh hùng Từ Hải với ý chí lớn lao, khát vọng cao cả.. trở thành nhân vật chính của đoạn trích. Ngược lại, người chinh phu trong chinh phụ ngâm - ra đi chiến đấu để bảo vệ ngai vàng cho nhà vua, tương lai mờ mịt.. nên phương diện lí tưởng, hoài bão không được nhắc đến. Trong đoạn trích này, hình ảnh người chinh phu hiện lên khá mờ nhạt, có chút bi thương.*

ĐỀ SỐ 5

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Chàng thì đi cõi xa mưa gió  
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn  
Đoái trông theo đã cách ngăn  
Tuôn màu mây biếc trải ngàn núi xanh  
Chốn Hàm kinh chàng còn ngoảnh lại  
Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang  
Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương  
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng  
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy  
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu  
Ngàn dâu xanh ngắt một màu  
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*  
(*Sau phút chia ly*, Trích Chinh phụ ngâm)

**Câu 1:**Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản?

**Câu 2:**Trong văn bản, nhân vật trữ tình là ai?

**Câu 3:**Chỉ ra những chi tiết diễn tả hoàn cảnh biệt ly cách trở trong văn bản?

**Câu 4:** Nêu hiệu quả của phép đối được sử dụng trong câu thơ:

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*  
**Câu 5:**Anh/ chị hiểu thế nào về nội dung câu thơ sau: *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*  
**Câu 6:**Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong văn bản?

**Gợi ý đáp án:**​ **Câu 1:**Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản: biểu cảm  
**Câu 2:**Trong văn bản, nhân vật trữ tình là: người chinh phụ.  
**Câu 3:**Những chi tiết diễn tả hoàn cảnh biệt ly cách trở:  
*Chàng thì đi cõi xa mưa gió  
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.*  
**Câu 4:**Hiệu quả của phép đối:  
- Biện pháp nghệ thuật: phép đối: cùng trông lại >< cùng chẳng thấy;  
- Tác dụng:  
+ Thể hiện sự trông ngóng, sự nhớ thương của người chinh phụ;  
+ Tạo sự sinh động, hấp dẫn, tăng hiệu quả diễn đạt, tạo sự cân đối hài hòa.  
=> Qua đó thể hiện thái độ đồng cảm , xót thương của nhà thơ.  
**Câu 5:**Nội dung của câu thơ: *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*là câu hỏi tu từ nhưng thực chất là lời tự vấn.  
Câu hỏi nêu ra không phải để so sánh chàng sầu hơn hay thiếp sầu hơn mà nó chỉ nhằm khắc họa thêm nỗi sầu, nỗi đau đớn khi phải chia lìa của người chinh phụ.  
=> Bộc lộ niềm xót thương, đồng cảm của tác giả. Đó là biểu hiện của giá trị nhân đạo sâu sắc.  
**Câu 6:** Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong văn bản:  
- Tâm trạng cô đơn, sầu muộn, nhớ thương chồng...  
-Khao khát hạnh phúc lứa đôi => bộc lộ niềm thương cảm xót xa, qua đó thấy rõ giá trị hiện thực nhân đạo và nhân văn.

ĐỀ SỐ 6

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi**

*Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai?  
Thiếp trong cánh cửa chàng ngoài chân mây.  
Trong cửa này đã đành phận thiếp,  
Ngoài mây kia há kiếp chàng vay? [1]  
Những mong cá nước vui vầy,  
Nào ngờ đôi ngả nước mây cách vời.  
Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ,  
Chàng há từng học lũ vương tôn. [2]  
Cớ sao cách trở nước non,  
Khiến người thôi sớm thôi hôm những sầu?*  
 (Trích *Chinh phụ ngâm* )  
(Chú thích: [1] Vay: Tiếng đệm của câu than thở; [2] Vương tôn: Con nhà giàu, thích đi chơi không đoái hoài đến gia đình)

**Câu 1:** Xác định thể thơ, phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.  
**Câu 2:** Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là ai?  
**Câu 3:** Những từ ngữ nào trong đoạn thơ thể hiện sự cách biệt chinh phu - chinh phụ?  
**Câu 4:** Chỉ ra 02 biện pháp nghệ thuật sử dụng trong hai câu thơ sau và nêu tác dụng:  
*Những mong cá nước vui vầy,  
Nào ngờ đôi ngả nước mây cách vời.*  
**Câu 5:** Nhận xét về cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn trích.  
**Câu 6:** Theo anh/chị, tư tưởng nhân đạo của đoạn trích thể hiện ở những phương diện nào?

**Gợi ý đáp án**  
**Câu 1:** Thể thơ: Song thất lục bát; Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.  
**Câu 2:** Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ: Người chinh phụ.  
**Câu 3:** Những từ ngữ nào trong đoạn thơ thể hiện sự cách biệt chinh phu - chinh phụ: *Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây; đôi ngả nước mây cách vời; cách trở nước non..*  
**Câu 4:** 02 biện pháp nghệ thuật sử dụng trong hai câu thơ:  
*Những mong cá nước vui vầy,*  
*Nào ngờ đôi ngả nước mây cách vời.*  
- Phép đối: Những mong >< nào ngờ; vui vầy >< cách vời;  
- Ẩn dụ: *cá nước, nước mây* - chỉ người chinh phu, chinh phụ;  
Tác dụng:  
- Nhấn mạnh tình cảnh chia lìa, xa cách giữa chinh phu, chinh phụ và nỗi khắc khoải chờ mong trong buồn đau cô đơn của người vợ;  
- Tăng nhịp điệu, nhạc điệu, sự sinh động, hấp dẫn cho lời thơ.  
**Câu 5:** Cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn trích:  
- Nỗi buồn đau, cô đơn, nhớ nhung trong chờ đợi;  
- Than trách số phận nghiệt ngã chia lìa đôi lứa;  
- Ước mong tái hợp vui vầy...  
**Câu 6:** Tư tưởng nhân đạo của đoạn trích thể hiện ở những phương diện:  
- Niềm cảm thông, thương xót của tác giả đối với tình cảnh đáng thương của người chinh phụ khi có chồng đi chinh chiến;  
- Lên tiếng tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa đã gây nên cảnh đôi lứa chia lìa, đẩy những người chinh phụ vào tình cảnh buồn đau, cô đơn, ngóng chờ trong vô vọng.  
- Trân trọng khát vọng chính đáng của con người: khát vọng về tình yêu đôi lứa, về hạnh phúc gia đình...

**ĐỀ SỐ 7**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Sương như búa bổ mòn gốc liễu,  
Tuyết dường cưa xẻ héo cành ngô.  
Giọt sương phủ bụi chim gù,  
Sâu tường kêu vẳng chuông chùa nện khơi.  
  
Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc,  
Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.  
Lá màn lay ngọn gió xuyên,  
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.  
  
Hoa giãi nguyệt nguyệt in một tấm,  
Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông.  
Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng,  
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau!*  
(Trích *Chinh phụ ngâm* )

**Câu 1:** Xác định thể thơ, phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.  
**Câu 2:** Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là ai?  
**Câu 3:** Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh thiên nhiên trong đoạn trích. Nhận xét về bức tranh thiên nhiên đó.  
**Câu 4:** Xác định 02 biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu thơ sau và nêu tác dụng của chúng:  
*Sương như búa bổ mòn gốc liễu,  
Tuyết dường cưa xẻ héo cành ngô.*  
**Câu 5:** Xác định và phân tích hiệu quả của phép điệp trong những câu sau:  
*Hoa giãi nguyệt nguyệt in một tấm,  
Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông.  
Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng,  
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau!*  
**Câu 6:** Nhận xét về cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn trích.  
**Câu 7:** Viết đoạn văn cảm nhận về tâm trạng của người chinh phụ trong bốn câu cuối.  
**Gợi ý đáp án:  
Câu 1:** Thể thơ: Song thất lục bát; Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.  
**Câu 2:** Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ: Người chinh phụ.  
**Câu 3:** Những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh thiên nhiên trong đoạn trích: Sương, tuyết, gốc liễu (mòn), cành ngô (héo), nmguyeetj hoa, gió thốc, gió xuyên, bóng hoa, bóng nguyệt, hoa giãi nguyệt, nguyệt lồng hoa, hoa nguyệt trùng trùng..  
Nhận xét: Cảnh thiên nhiên vừa mang nét lạnh lẽo, hoang sơ, cô quạnh, tĩnh mịch (8 câu đầu), vừa quấn quýt, giao hòa (hoa, nguyệt - 4 câu cuối).  
**Câu 4:** 02 biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu thơ:  
*Sương như búa bổ mòn gốc liễu,  
Tuyết dường cưa xẻ héo cành ngô.*  
Là:  
- So sánh: *sương như búa, tuyết dường cưa;*  
- Đối: *Sương như búa >< Tuyết dường cưa; bổ mòn gốc liễu >< xẻ héo cành ngô.*  
Tác dụng: Gợi lên hình ảnh thiên nhiên lạnh lẽo, khắc nghiệt; góp phần biểu đạt nỗi cô đơn, lạnh lẽo trong lòng người chinh phụ;  
Làm cho lời thơ cân xứng, nhịp nhàng; gợi hình, gợi cảm.  
**Câu 5:**  
*Hoa giãi nguyệt nguyệt in một tấm,  
Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông.  
Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng,  
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau!*  
Phép điệp ngữ: *hoa, nguyệt, lồng*  
Tác dụng: Miêu tả cảnh thiên nhiên với hoa, nguyệt điệp trùng, quấn quýt bên nhau; Nhấn mạnh nỗi cô đơn của người chinh phụ khi nhìn thấy cảnh trùng phùng hoa nguyệt (cảnh quấn quýt, còn người lẻ loi). Làm cho lời thơ sinh động, hấp dẫn, tăng tính nhạc..  
**Câu 6:** Nhận xét về cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn trích

Nỗi buồn đau, cô đơn, nhớ nhung trong chờ đợi;  
- Chạnh lòng trước sự quấn quýt của cảnh thiên nhiên hoa nguyệt; ước ao sum vầy đôi lứa.  
**Câu 7:**

*Bức tranh thiên nhiên trong bốn câu thơ cuối không hề lạnh lẽo, thê lương sầu thảm (như 8 câu đầu) mà lộng lẫy nguyệt hoa, nồng nàn, rạo rực. Đẹp hơn khi hoa, nguyệt lại giao hòa, quấn quýt bên nhau, trùng trùng lớp lớp chồng lên nhau. Phép điệp ngữ được sử dụng đắc địa càng làm cảnh thiên nhiên thêm nồng nàn, rạo rực. Cảnh ấy đã đánh thức khao khát xuân tình trong lòng người chinh phụ. Nỗi khao khát ái án ấy tuy âm thầm mà mãnh liệt. Nàng vẫn còn trẻ, còn khao khát yêu đương, nên nhìn cảnh nàng không khỏi chạnh lòng. Vậy nên, trước cảnh - khi thì "hoa giãi nguyệt", khi lại "nguyệt lồng hoa", lòng nàng dâng lên biết bao sầu muộn. Sầu muộn bởi cảnh vô tri mà lại có đôi, có cặp, tương giao, bện cài; còn người hữu tình thì lại cô đơn, lẻ loi trong vô vọng. Lòng càng xôn xao rạo rực, khao khát yêu thương, hạnh phúc thì càng đau khổ bởi cảnh ngộ trớ trêu. Thật đáng thương thay. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đã đạt đến mức tuyệt diệu cổ điển. Mỗi chữ là một nét vẽ biểu cảm thần tình tạo nên âm điệu thiết tha, quấn quýt, xôn xao.. Có thể nói ngoại cánh thiên nhiên với nguyệt hoa lộng lẫy vừa đánh thức tuổi xuân và tình xuân trong lòng nàng chinh phụ, vừa gợi nỗi đau đớn, xót xa đến nghẹn lòng.*

**MỘT SỐ TÁC PHẨM THƠ HIỆN ĐẠI ĐƯỢC VIẾT THEO THỂ SONG THẤT LỤC BÁT**

### **Bài thơ Trăng rơi**

**Huỳnh Minh Nhật**

Khung cửa sổ treo mành năm tháng  
Cửa cài then nắng chẳng lối vào  
Đêm đêm mây gió rì rào  
Ánh trăng mệt mỏi rơi ào qua vai

Nhặt mảnh trăng rơi bẻ làm hai  
Treo lên khung cửa thoáng hương nhài  
Thắp lên nỗi nhớ thật dài  
Trách ai đi mãi hương tình nhạt phai

Yêu thương đi đắng cay ở lại  
Đêm đêm mơ ướt cả bờ vai  
Mắt sâu đẫm lệ phôi phai  
Tóc mây bù rối môi càng khô thâm

Hồn trơ trọi tháng ngày suy ngẫm  
Tim héo hon thấm đẫm tình yêu  
[Tình yêu](https://vnask.com/tinh-yeu-chan-chinh-la-gi-7721) trả lại cô liêu  
Bên thềm lá rụng tiêu điều xác xơ

Cô gái ấy nay còn đâu nữa  
Một nửa hồn đã chết tim yêu  
Những đêm gió thoảng dập dìu  
Bóng hình ai đó lại điêu đứng lòng.

### 

### **Bài thơ Đôi mắt**

**Lưu Trọng Lư**

Có hoa nào qua mùa không héo?  
Có tiếng nào giàu đẹp hơn không?  
Mắt em là một dòng sông  
Thuyền anh bơi lội giữa dòng mắt em.

Đàn “nguyệt dạ” hương đêm bay lạc  
Gì buồn hơn tiếng vạc lưng chừng?  
Phép gì khỏi nhớ đừng trông  
Mắt em bỏ túi, vắng lòng đem soi.

### 

### **Bài thơ Thuyền neo bến đậu**

**Hoàng Mai**

Em nhớ mãi chiều [thu](https://vnask.com/mua-thu-bat-dau-tu-thang-may-thoi-tiet-mua-thu-the-nao-9647) lá đổ  
Mình bên nhau cạn tỏ nguồn cơn  
Chạnh lòng anh vọng lời thương  
Xa xa vẳng tiếng nghe dường nỉ non

Anh khắc khoải lòng son giữ mãi  
Đời biển dâu xa xót tình đau  
Lời anh nghe thấm từng câu  
Người như ôm cả nỗi sầu thế nhân

Hai ta cứ tần ngần nuối tiếc  
Một đời em tha thiết từng mơ  
Nào ai học được chữ ngờ  
Gối chăn hờ hững sương mờ phủ giăng

Anh chốn ấy! Mộng nay đã hết  
Em ngồi đây lặng chết từng giây  
Một mình trăn trở đêm nay  
Biết ai hiểu thấu đắng cay chuyện lòng

Xuân trở giấc hoa không muốn trổ  
Ngại ngần lo sầu khổ bao mùa  
Thôi đành duyên kiếp đẩy đưa  
Thuyền neo bến hẹn gió mùa lắt lay

Tình chợt đến, chợt đi, ai biết  
Đường vào tim khôn xiết bẽ bàng  
Chòng chành với chiếc đò ngang  
Mai sau biết có vẹn toàn được chăng.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**TUẦN …. - Tiết: ....**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**BIỆN PHÁP TU TỪ CHƠI CHỮ**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- HS nhận biết được cách tạo ra lối chơi chữ và tác dụng chủ yếu của bptt chơi chữ.

- HS nhận ra lối chơi chữ được sử dụng trong các VB nghệ thuật, có ý thức sưu tầm tìm hiểu về bptt thú vị này.

**II. Phẩm chất**

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,  - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của bptt chơi chữ  **Câu hỏi:**  - Em hãy nêu lại một số kiến thức chung về bptt chơi chữ  -Em hãy nêu 1 số vd bptt chơi chữ mà em biết.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét** | **I. TRI THỨC NỀN VỀ BPTT CHƠI CHỮ**  1. **Khái niệm**  *\** Chơi chữ là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,...làm câu văn hấp dẫn và thú vị.  Theo Từ điển thuật ngữ văn học, Chơi chữ còn gọi là “lộng ngữ”, là “Một biện pháp tu từ có đặc điểm: người sáng tác sử dụng những chỗ giống nhau về ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cảnh để tạo ra sự bất ngờ thú vị trong cách hiểu, trong dòng liên tưởng của người đọc, người nghe”. Các hình thức của lộng ngữ rất phong phú, trong đó có: nói lái, dùng từ đồng âm hoặc gần âm, dùng từ đồng nghĩa, tách một từ thành các từ khác nhau…  ***Ví dụ:***   * Thầy giáo, tháo giày đi dép lốp * Đuối như trái chuối * Sành điệu như củ kiệu * Tôi yêu Việt Nam "đồng" * Nhớ nước đau lòng con quốc quốc/ Thương nhà mỏi miệng cái gia gia  *\** Các lối chơi chữ thường gặp Các lối chơi chữ thường gặp là: 1. Dùng từ đồng âm Biện pháp này sử dụng các từ giống nhau về cách phát âm hoặc đồng âm.  Thường được gọi là đồng âm nhưng có nghĩa hoàn toàn khác nhau. Cách chơi chữ này thường mang hàm ý và nghĩa thương châm biếm, đả kích là chính.  **Ví dụ:**   * Anh Hươu đi chợ Đồng Nai                    Bước qua bến Nghé, ngồi nhai thịt bò  Đây là câu thơ sử dụng cách chơi chữ dùng từ đồng âm. Đủ tên 4 con vật lớn: hươu, nại, nghé, bò. Hai địa danh được lấy ra phần sau (thành tố sau của một từ gồm hai thành tố) đồng âm với tên hai con vật nai và nghé.   * Bà già đi chợ cầu Đông                  Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?                 Thầy bói xem quẻ nói rằng.                 Lợi thì có lợi, nhưng răng không còn.  - Từ lợi mà bà già dùng (lợi chăng) nghĩa là lợi ích, thuận lợi  Từ lợi trong câu nói của thầy bói nghĩa là phần thịt bao quanh chân răng.  - Tác dụng: Thầy bói nhắc khéo bà già: bà đã quá già rồi (răng không còn) thi lấy chồng làm gì nữa ⇒ sự bất ngờ, thú vị, dí dỏm.  - Lối chơi chữ: dùng từ đồng âm nhưng khác nghĩa 2. Dùng lối nói trại âm (gần âm) Là lối chơi chữ sử dụng các từ gần giống nhau, chỉ khác nhau về dấu câu, nhưng ý nghĩa hoàn toàn khác nhau.  **Ví dụ:**  Sánh với Na Va "ranh tướng" Pháp  Tiếng tăm nồng nặc ở Đông Dương  - Dựa vào hiện tượng gần âm: ranh tướng gần với danh trước nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau.  Danh tướng là vị tướng giỏi được lưu danh, còn ranh tướng là kẻ ranh ma  - Tác dụng: mang ý mỉa mai - chế giễu  - Lối chơi chữ: dùng cách nói trại âm (gần âm) 3. Dùng cách điệp âm Cách chơi chữ này cố ý lặp lại một số yếu tố ngữ âm nào đó (phụ âm đầu, vần hoặc thanh) để tạo sự cộng hưởng ý nghĩa, có tác dụng tô đậm thêm hình tượng hoặc xúc cảm, gợi liên tưởng, đồng thời giúp cho lời văn, lời thơ thêm nhạc tính.  **Ví dụ:**  Mênh mông muôn mẫu một màu mưa  Mỏi mắt miên man mãi mịt mờ.  - Mượn cách nói điệp âm: hai câu thơ điệp âm "m" tới 14 lần  - Tác dụng: diễn tả sự mịt mờ của không gian đầy mưa  - Lối chơi chữ: dùng cách điệp âm 4. Dùng lối nói lái Nói lái hay còn gọi là cách nói ngược câu chữ, có tác dụng châm biếm, mỉa mai hoặc bông đùa...  Loại này không phải người đọc, người nghe nào cũng hiểu được hàm ý của tác giả nếu như không suy luận hay phân tích từng từ một. Chơi chữ bằng cách nói lái quen thuộc và dễ gặp nhất khi đọc văn thơ, tục ngữ.  **Ví dụ:**   1. Một con cá đối nằm trên cối đá.   Hai con cá đối nằm trên cối đá   1. Con mỏ kiến đậu trên miếng cỏ. 2. Chim vàng lông đậu cạnh cồng lang 3. Con cá đối bỏ trong cối đá, 4. Con mèo cái nằm trên mái kèo, 5. Trách cha mẹ nghèo, anh nỡ phụ duyên em.   - Cá đối nói lái thành cối đá - Mèo cái nói lái thành mái kèo  - Tác dụng: diễn tả sự trái khoáy, sự hẩm hiu của duyên phận  - Lối chơi chữ: dùng lối nói lái 5. Dùng từ ngữ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa Loại này chỉ giống nhau phụ âm đầu, giúp tạo điểm nhấn cho toàn bộ bài thơ.  **Ví dụ:**  Ngọt thơm sau lớp vỏ gai,  Quả ngon lớn mãi cho ai đẹp lòng  Mời cô mời bác ăn cùng  Sầu riêng mà hóa vui chung trăm nhà  - Sầu riêng - danh từ ⇒ chỉ một loại trái cây ở Nam Bộ  Sầu riêng - tính từ ⇒ chỉ sự phiền muộn riêng của con người  - Lối chơi chữ: dựa vào hiện tượng trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa. 3. Tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ Chơi chữ là một trong những biện pháp tu từ xuất hiện từ lâu và bắt nguồn từ đời sống xã hội để phát triển dần lên nên thường gần gũi với ngôn ngữ đời thường. Được sử dụng trong cuộc sống thường ngày, trong văn thơ, đặc biệt là thơ văn trào phúng, trong câu đối, câu đố...  Biện pháp tu từ chơi chữ giúp câu văn thể hiện sự hài hước, dí dỏm nên gây được nhiều hứng thú ấn tượng với người đọc, người nghe. Nó giúp bài viết, lời nói sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ được ghi nhớ lâu dài.  Biện pháp tu từ chơi chữ thể hiện được sự khéo léo, tinh tế của tác giải khi biết lồng ghép các câu từ để cho câu văn mang nhiều ý nghĩa, mang đậm sự trào phúng nhưng tinh tế, không lộ liễu.  Chơi chữ trong lời nói hàng ngày làm tạo ra những tiếng cười, thêm màu sắc cho cuộc sống. |

**HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP**

**1. Mục tiêu**:

- HS biết cách nhận ra bptt chơi chữ trong các VB, hiểu được ý nghĩa của bptt chơi chữ ở từng trường hợp cụ thể

- Hứng thú trong việc vận dụng bptt chơi chữ trong thực tiễn.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| - GV phát các phiếu bài tập cho hs  - HS nhận phiếu  - GV tổ chức và hướng dẫn hs thực hiện việc giải quyết các bài tập  - HS thực hiện theo hướng dẫn; Báo cáo sản phẩm đã thực hiện  - GV đánh giá và chốt kiến thức | - BÀI LÀM CỦA HS  - ĐÁP ÁN CỦA GV |

**Bài tập 1: Làm việc cá nhân.**

**Bài 1. Xác định biện pháp tu từ chơi chữ trong các trường hợp sau và nêu tác dụng của biện pháp này.**

a. Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

( Bà Huyện Thanh Quan, Qua Đèo Ngang)

b.

Con cá đối nằm trong cối đá

Mèo đuôi cụt nằm mút đuôi kèo

Anh mà đối đặng, dẫu anh nghèo em cũng ưng.

( Ca dao)

c. Tiệm bánh mì chả nóng ế khách vì bán bánh mì chả nóng

**Lời giải:**

a. BPTT chơi chữ đồng âm – đồng nghĩa

- Tiếng kêu của hai loài chim được liên tưởng đồng âm với hai danh từ “quốc” và “gia” nên thành loài chim “quốc quốc” và “gia gia”

- “quốc” có nghĩa là “nước” và “gia” có nghĩa là “nhà” vậy nên có sự tương ứng giữa nỗi buồn đau được nhân hóa của mỗi loài vật với tên gọi và tiếng kêu của chúng: con quốc đau lòng nhớ nước, con gia gia mỏi miệng thương nhà.

=> Nhà thơ đã sử dụng tiếng kêu "quốc quốc" và "gia gia" để thể hiện sự nhớ thương đối với đất nước và quê hương của mình, qua đó thể hiện tâm trạng đậm đà của Bà Huyện Thanh Quan.

b. BPTT chơi chữ nói lái

- “ cá đối” nói lái thành “cối đá”

- “Mèo đuôi cụt”” nói lái thành “mút đuôi mèo”

=> Nhằm diễn tả sự hẩm hiu, nghèo nàn của chàng trai

c. BPTT chơi chữ đồng âm – khác nghĩa

- Chả nóng1: thực phẩm làm từ thịt

- Chả nóng2: chả không nóng, chả bị nguội

=> Nhằm tạo tiếng cười gợi sự chú ý của người nghe.

**Bài tập 2: Làm việc cá nhân.**

**Bài 2. Trong bài thơ Bác Hồ đã dùng lối chơi chữ như thế nào?**

Cảm ơn bà biếu gói cam,

Nhận thì không đúng, từ làm sao đây?

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,

Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai?

**Đáp án**

- Dùng từ đồng âm: khổ, cam

+ khổ: khổ đau (thuần Việt); đắng (Hán Việt)

+ cam: quả cam (thuần Việt); ngọt (Hán Việt)

- Thành ngữ Hán Việt: khổ tận cam lai (khổ: đắng, tận: hết, cam: ngọt, lai: đến): Hết khổ sở đến lúc sung sướng

⇒ Niềm sung sướng, hạnh phúc được sống trong độc lập, tự do.

**Bài tập 3: Làm việc cá nhân.**

**Bài 3. Mỗi câu sau đây có những tiếng nào chỉ các sự vật gần gũi nhua? Cách nói này có phải là chơi chữ không?**

- Trời mưa đất thịt trơn như mỡ, dò đến hàng nem chả muốn ăn.

- Bà đồ Nứa, đi võng đòn tre, đến khóm trúc, thở dài hi hóp.

**Đáp án**

Câu 1. thịt, mỡ, dò (giò), nem, chả: thức ăn liên quan đến chất liệu thịt

Câu 2. Nứa, tre, trúc, hóp: chỉ cây cối thuộc họ tre

→ Đây là hiện tượng chơi chữ vì vừa dùng từ đồng âm vừa dùng các từ cùng trường nghĩa

**Bài tập 4: Làm việc cá nhân.**

**Bài 4. Bài thơ dưới đây sử dụng lối chơi chữ nào?**

Duyên duyên ý ý tình tình

Đây đây đó đó tình tình ta

Năm năm tháng tháng ngày ngày

Chờ chờ đợi đợi, rày rày mai mai

**Đáp án**

Dùng cách điệp âm

Tuy hai dòng đầu phụ âm Đ - được điệp trong 4 âm tiết (sử dụng 4 lần chữ có phụ âm Đ), phụ âm T được điệp trong 6 âm tiết; nhưng về cơ bản đây chỉ là sự gấp đôi một cách đều đạn các âm tiết cấu tạo nên bài ca dao: hai cặp lục bát chỉ sử dụng 14 âm tiết (trong đó chữ "tình" được điệp 4 lần).

Cách điệp trong trường hợp này cho thấy sự dằn dỗi, bức xúc của người nói.

**Bài tập 5: Làm việc nhóm.**

**Bài 5 . Sưu tầm một số cách chơi chữ**

**Gợi ý đáp án**

- Thay đổi trật tự các chữ (nói ngược)

*Vợ cả, vợ hai, (hai vợ) cả hai đều là vợ cả*

*Thầy tu, thầy chùa, chùa thầy cứ việc thầy tu*

- Câu đối của tri huyện Lê Kim Thắng và Xiển Bột:

*Học trò là học trò con, tóc đỏ như son là con học trò.*

*Tri huyện là tri huyện Thằng, ăn nói lằng nhằng là thằng tri huyện*

Chơi chữ bằng cách nói lái là kiểu chơi chữ rất khó vì thế ít gặp trong thơ. Hồ Xuân Hương- Bà chúa thơ Nôm, có nhiều bài chơi chữ theo kiểu này:

**Chùa Quán Sứ**

*Quán Sứ sao mà khách vắng teo*

*Hỏi thăm sư cụ đáo nơi neo*

*Chày kình tiểu để suông không đấm*

*Tràng hạt vãi lần đếm lại đeo*

(Hồ Xuân Hương)

Dựa vào sự gần dạng cuả một số chữ Hán, những người uyên thâm Hán tự đã thực hiện chơi chữ theo lối chiết tự. Ví dụ:

**Không chồng mà chửa**

*Cả nể cho nên hoá dở dang,*

*Nỗi niềm nàng có biết chăng chàng.*

*Duyên thiên chưa thấy nhô đầu dọc,(1)*

*Phận liễu sao đà nảy nét ngang.(2)*

*Cái nghĩa trăm năm chàng nhớ chửa?(3)*

*Mảnh tình một khối thiếp xin mang.(4)*

*Quản bao miệng thế lời chênh lệch,*

*Không có, nhưng mà có, mới ngoan!*

( Hồ Xuân Hương)

Chơi chữ trong thơ bằng xếp chữ

Trong kiểu chơi chữ này, thông tin gián tiếp được tác giả kín đáo đưa ra qua các tiếng đứng ở vị trí nào đó của câu thơ. Ví dụ:

**Cụ Hồ muôn tuổi**

***Cụ*** già thong thả buông cần câu,

***Hồ***rộng trời trong mặt nước sâu.

***Muôn*** dặm đài sen thơm bát ngát,

***Tuổi***già vui thú với non sông.

Chơi chữ bằng cách dùng  các tiếng cùng phụ âm đầu:

*Thật thà thẳng thắn thường thua thiệt*

*Lươn lẹo lọc lừa lại lên lương*

- Chơi chữ đồng âm: đây là kiểu chơi chữ phổ biến, với những mục đích khác nhau, chẳng hạn:

+ Tạo ra các chuỗi tiếng đồng âm khác nghĩa:

*Vũ cậy mạnh vũ ra vũ múa, vũ gặp mưa vũ ướt cả lông*

*Thị phải chầu thị đứng thị xem, thị cũng thèm thị không có ấy*

+ Tạo ra trường từ vựng các nghề nghiệp:

Câu đối Nguyễn Khuyến làm giúp cho vợ người thợ rèn khóc chồng:

*Tưởng cơ đồ thiếp phải lầm than, con thơ dại lấy ai rèn cặp;*

*Thôi công việc chàng đành bỏ bễ, vợ trẻ trung lắm kẻ đe loi.*

+ Tạo ra trường từ vựng các từ gần nghĩa:

*Bà Đồ Nứa đi võng đòn tre, đến khóm trúc thở dài hi hóp*

*Trời mưa đất thịt trơn như mỡ, dò đến hàng nem chả muốn ăn*.

+ Tạo ra khó khăn khi ngắt giọng cho đúng nghĩa:

*Con ngựa đá con ngựa đá con ngựa đá không đá con ngựa*

*Thằng mù nhìn thằng mù nhìn hằng mù nhìn không nhìn thằng mù*

- Chơi chữ bằng nói lái:

*Cô gái Củ Chi chỉ cu hỏi củ chi;*

*Chàng trai Hòn Đất hất đòn trúng hòn đất….*

- Lặp phụ âm đầu:

*Mênh mông muôn mẫu một màu mưa*

*Mỏi mắt miêm man mãi mịt mờ*

*Mộng mị mỏi mòn mai một một*

*Mỹ miều may mắn mấy mà mơ*

(Mưa - Tú Mỡ)

* Dùng các từ đồng nghĩa, trái nghĩa:

*“Đi tu Phật bắt ăn chay*

*Thịt chó ăn được thịt cầy thì không”*

*“ Rắn hổ đất leo cây thục địa*

*Ngựa nhà trời ăn cỏ chỉ thiên”*

*“ Đôi đũa lệch:  
Gái trẻ hân hoan chờ phối ngẫu  
Trai già thấp thỏm đợi giao bôi*

*Tố nữ thời @:  
Quần may ngắn ngủn phô đùi nõn  
   Áo vá sơ sài lộ ngực tơ”*

*(Về Miền Trung- Blog tiếng Việt)*

**Bài tập 6: Làm việc theo cặp.**

**Bài 6 . Thi sưu tầm một số câu nói của người thân, bạn bè có sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ. Nêu đặt điểm và tác dụng của biện pháp tu từ này trong mỗi trường hợp.**

**Lời giải:**

BPTT chơi chữ nói lái:

Đụng là cháy – chạy là đúng

Chả sợ gì – chỉ sợ già

Tác dụng: Gây tiếng cười, hài hước dí dỏm cho người nghe

**Bài tập 7: Làm việc cá nhân.**

**Bài 7: Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh trong các trường hợp sau:**

a.   Ô hay buồn vương cây ngô đồng  
Vàng rơi! Vàng rơi: Thu mênh mông.

( Bích Khê, Tì bà)

b.   Tài cao phận thấp chí khí uất  
Giang hồ mê chơi quên quê hương.

( Tản Đà, Thăm mả cũ bên đường)

**Lời giải:**

a. Các câu thơ trên đều thuộc thanh Bằng đọc nhẹ một hơi gợi nỗi buồn mơ hồ, phảng phất, miên man, trải dài trong không gian mênh mông nhuốm màu thu. Nỗi buồn không trĩu nặng mà như vương vất đâu đây, lan toả trong không gian.

b. Điệp thanh trắc cùng âm tắc cuối âm tiết (thấp, uất) thể hiện sự uất ức của một người có ý thức cái tài của mình nhưng không được thoả nguyện. “Giang hồ mê chơi quên quê hương” toàn thanh bằng, các nguyên âm bổng, âm cuối là những phụ âm vang mang âm hưởng bay bổng như bước chân ngao du và tâm hồn phóng khoáng, đa tình đến phóng túng của nhà thơ.

**Bài tập 8: Làm việc cá nhân.**

**Bài 8: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Trần đến Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người.*

( Nguyễn Tuân, Người lái đò Sông Đà)

a. Em có nhận xét gì về thanh điệu của các âm tiết trong đoạn trích trên?

b. Việc sử dụng thanh điệu như vậy có tác dụng gì?

**Lời giải:**

a. Thanh điệu Bằng Trắc đan xen.

b. Tác dụng Gợi nhịp điệu nhẹ nhàng, lâng lâng, mơ màng. Vẻ đẹp thơ mộng, êm đềm của Sông Đà càng nổi bật và giàu chất thơ ( chất nhạc)

**Bài tập 9: Làm việc cá nhân.**

**Bài 9: Theo em, sự hài hoà về âm thanh trong đoạn thơ dưới đây được tạo ra nhờ những yếu tố nào?**

*Rồi một hôm nào, tôi thấy tôi*

*Nhẹ nhàng như con chim cà lơi*

*Say đồng hương nắng vui ca hát*

*Trên chín tầng cao bát ngát trời...*

( Tố Hữu, Nhớ đồng)

**Lời giải:**

- Thanh Bằng được lặp lại với một mật độ dày đặc, đặc biệt là câu hai 6 chữ cuối tác giả sử dụng thanh bằng.

- Điệp vần ôi, ơi, a, at, ang.

**Bài tập 10: Làm việc cá nhân.**

**GV giao bài tập này về nhà cho hs luyện viết**

**Bài 9: Em hãy tự chọn 1 ngữ liệu thơ ca có sử dụng lối chơi chữ và viết 1 đoạn văn phân tích tác dụng của lối chơi chữ trong ngữ liệu đó.**

​

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**TUẦN ……- Tiết …..**

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**(MỘT BÀI THƠ SONG THẤT LỤC BÁT)**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu thập thông tin, tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- HS nắm được cấu trúc của bài văn nghị luận về một bài thơ song thất lục bát.

- HS viết được bài văn nghị luận văn học bằng cách nêu vấn đề theo giới hạn nội dung của phần *Viết*, bài viết có bố cục rõ ràng, triển khai các phần hợp lí (có hệ thống luận điểm, sử dụng lí lẽ và bằng chứng làm rõ từng luận điểm), giàu sức thuyết phục.

**II. Phẩm chất**

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

* **Hoạt động 1.1: GV nhắc lại cho HS một số đặc trưng của thể thơ lục bát và giới thiêu thêm những ngữ liệu tiêu biểu làm theo thể thơ này**

Thơ song thất lục bát là thể thơ có hai câu bảy chữ, xen kẽ là một câu sáu chữ và một câu tiếp theo là tám chữ. Trải dọc theo thời gian, mặc dù thể thơ này không còn được ưa chuộng như trước, nhưng nó vẫn mang giá trị tinh thần to lớn, gắn liền với hình ảnh bình dị của người dân Việt Nam. Những bài thơ song thất lục bát tiêu biểu trở thành niềm tự hào của dân tộc như: Chinh phụ ngâm (Đoàn Thị Điểm), Khóc Dương Khuê (Nguyễn Khuyến), Hải Ngoại huyết thư (Phan Bội Châu), Tế thập loại chúng sinh (Nguyễn Du). Khi nhắc đến bài thơ song thất lục bát, ta sẽ không thể không kể đến những tác phẩm “để đời”, dù trải qua hàng trăm nhưng vẫn còn nguyên giá trị tới hiện tại. Dưới đây là đoạn trích từ những tác phẩm nổi tiếng ấy, mà có lẽ chúng ta đã được học từ thuở còn trên ghế nhà trường.

### **Đoạn trích thơ: Tình Cảnh Lẻ Loi Của Người Chinh Phụ**

### **- Trích *Chinh Phụ Ngâm***

Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước,   
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.  
Ngoài rèm thước chẳng mách tin,  
Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng ?  
Đèn có biết dường bằng chẳng biết,  
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.  
[Buồn](https://voh.com.vn/song-dep/status-buon-328155.html) rầu nói chẳng nên lời,  
Hoa đèn kia với bóng người khá thương.  
Gà eo óc gáy sương năm trống,  
Hoè phất phơ rủ bóng bốn bên.  
Khắc giờ đằng đẳng như niên,  
Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.  
Hương gượng đốt hồn đà mê mải,  
Gương gượng soi lệ lại châu chan.   
Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,   
Dây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng.  
Lòng này gửi gió đông có tiện?   
Nghìn vàng xin gửi đến non Yên Non   
Non Yên dù chẳng tới miền,  
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.   
Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.  
Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,   
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.  
Cảnh buồn người thiết tha lòng,   
Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.

(Tác giả: Đoàn Thị Điểm)

### **Đoạn trích thơ: Cung Oán Ngâm Khúc**

Đòi những kẻ thiên ma bách chiết  
Hình thì còn bụng chết đòi nau  
Thảo nào khi mới chôn nhau  
Đã mang tiếng [khóc](https://voh.com.vn/song-dep/stt-khoc-397817.html) ban đầu mà ra!  
Khóc vì nỗi thiết tha sự thế  
Ai bày trò bãi bể nương dâu  
Trắng răng đến thuở bạc đầu  
Tử, sinh, kinh, cụ làm nau mấy lần.

Cuộc thành bại hầu cằn mái tóc  
Lớp cùng thông như đúc buồng gan  
Bệnh trần đòi đoạ tâm toan  
Lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da.

Gót danh lợi bùn pha sắc xám  
Mặt phong trần nắng rám mùi dâu  
Nghĩ thân phù thế mà đau  
Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê.

Mùi tục vị lưỡi tê tân khổ  
Đường thế đồ gót rỗ kỳ khu  
Sóng cồn cửa bể nhấp nhô  
Chiếc thuyền bào ảnh lô xô mặt ghềnh.

Trẻ tạo hoá đành hanh quá ngán  
Chết đuối người trên cạn mà chơi  
Lò cừ nung nấu sự đời  
Bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương.

Đền vũ tạ nhện giăng cửa mốc  
Thú ca lâu dế khóc canh dài  
Đất bằng bỗng rấp chông gai  
Ai đem nhân ảnh nhuốm màu tà dương.

Mồi phú quý dữ làng xa mã  
Bả vinh hoa lừa gã công khanh  
Giấc Nam Kha khéo bất bình  
Bừng [con mắt](https://voh.com.vn/song-dep/status-ve-doi-mat-371781.html) dậy thấy mình tay không.

Sân đào lý mây lồng man mác  
Nền đỉnh chung nguyệt gác mơ màng  
Cánh buồm bể hoạn mênh mang  
Cái phong ba khéo cợt phường lợi danh.

Quyền họa phúc trời tranh mất cả  
Chút tiện nghi chẳng trả phần ai  
Cái quay búng sẵn lên trời  
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.

Hình mộc thạch vàng kim ố cổ  
Sắc cầm ngư ủ vũ ê phong  
Tiêu điều nhân sự đã xong  
Sơn hà cũng ảo, côn trùng cũng hư.

Cầu thệ thuỷ ngồi trơ cổ độ  
Quán thu phong đứng rũ tà huy  
Phong trần đến cả sơn khê  
Tang thương đến cả hoa kia cỏ này.

Tuồng ảo hóa đã bày ra đấy  
Kiếp phù sinh trông thấy mà đau  
Trăm năm còn có gì đâu  
Chẳng qua một nấm cổ khâu xanh rì.

(Tác giả: Nguyễn Gia Thiều)

### **Bài thơ Xuân Sầu (II)**

Trăm hoa đua nở đẹp hơn cười  
Một cái oanh vàng uốn lưỡi chơi  
Phong cảnh chiều xuân vui vẻ thế  
Xuân sầu chi để bận riêng ai!  
Mười lăm năm trước xuân xanh  
Tri Tri cất tiếng, Hữu Thanh gọi đàn  
Tình nguyện vọng chứa chan non nước  
Bạn [tri âm](https://voh.com.vn/song-dep/tri-am-la-gi-442620.html) man mác giời mây  
Nở gan một cuộc cười say  
Đường xa coi nhẹ gánh đầy như không  
Phận nam nhi tang bồng là chí  
Chữ trượng phu ý khí nhường ai  
Non sông thề với hai vai  
Quyết đem bút sắt mà mài lòng son  
Dư đồ rách, nước non tô lại  
Đồng bào xa, trai gái kêu lên  
Doanh hoàn là cuộc đua chen  
Rồng Tiên phải giống ngu hèn, mà cam!  
Tiếng gọi bạn nửa năm vừa dứt  
Sức thua giời, trăm sức mà chi  
Tình duyên đến lúc phân ly  
Giang sơn bảng lảng, tu mi thẹn thùng  
Xếp ngọn bút, đau lòng son sắt  
Giã đàn văn, lánh mặt phong sương  
Cho hay trần luỵ đa mang  
Trăm năm duyên nợ văn chương còn nhiều  
Thuyền một lá buông liều sông nước  
Lái tám năm xuôi ngược [dòng sông](https://voh.com.vn/song-dep/tho-ve-dong-song-430201.html)  
Nực cười trận gió đông phong  
Làm cho chú lái không công mất thuyền  
Ngồi nghĩ lại mối duyên sao lạ  
Dẫu kêu rằng món nợ cũng hay  
Trần hoàn trả trả vay vay  
Kể chi công nợ, cho rầy thanh tao  
Mừng xuân mới, [rượu đào](https://voh.com.vn/song-dep/tho-ve-ruou-428542.html) khuyên cạn  
Vắng tri âm mà bạn non xanh  
Gan vàng, tóc bạc, non xanh  
[Thiên nhiên](https://voh.com.vn/song-dep/tho-ve-thien-nhien-439141.html) ai hoạ bức tranh xuân sầu?

(Tác giả: Tản Đà)

### **Bài thơ: Ai Tư Vãn**

[Gió](https://voh.com.vn/song-dep/status-ve-gio-372688.html) hiu hắt phòng tiêu lạnh lẽo  
Trước thềm lan, hoa héo ron ron.  
Cầu Tiên khói tỏa đỉnh non,  
Xe rồng thăm thẳm, bóng loan dàu dàu.

Nỗi lai lịch dễ hầu than thở  
Trách nhân duyên mờ lỡ cớ sao ?  
Sầu sầu, thảm thảm xiết bao...  
Sầu đầy giạt bể, thảm cao ngất trời !

Từ cờ thắm trỏ vời cõi Bắc,  
Nghĩa tôn phù vằng vặc bóng dương.  
Rút dây vâng mệnh phụ hoàng,  
Thuyền lan chèo quế thuận đường vu quy.

Trăm ngàn dặm quản chi non nước;  
Chữ "nghi gia" mừng được phải duyên.  
Sang yêu muôn đội ơn trên,  
Rỡ ràng vẻ thúy, nối chen tiếng cầm.

Lượng che chở, vụng lầm nào kể.  
Phận đinh ninh cặn kẽ mọi lời.  
Dẫu rằng non nước biến dời,  
Nguồn tình ắt chẳng chút vơi đâu là.

Lòng đùm bọc thương hoa đoái cội,  
Khắp tôn thân cùng đội ơn sang.  
Miếu đường còn dấu chưng thường,  
Tùng thu còn rậm mấy hàng xanh xanh.

Nhờ hồng phúc, đôi cành hòe quế  
Đượm hơi dương dây rễ cùng tươi  
Non Nam lần chúc tuổi trời,  
Dâng câu Thiên Bảo, bày lời Hoa Phong.

Những ao ước trập trùng tuổi hạc,  
Nguyền trăm năm ngõ được vầy vui.  
Nào hay sông cạn, bể vùi,  
Lòng trời giáo giở, vận người biệt ly.

Từ nắng hạ, mưa thu trái tiết,  
Xót mình rồng mỏi mệt chẳng yên.  
Xiết bao kinh sợ, lo phiền,  
Miếu thần đả đảo, thuốc tiên lại cầu.

Khắp mọi chốn đâu đâu tìm rước,  
Phương pháp nào đổi được cùng chăng ?  
Ngán thay, máy Tạo bất bằng,  
Bóng mây thoắt đã ngất chừng xe loan.

Cuộc tụ, tán, bi, hoan kíp bấy,  
Kể sum vầy đã mấy năm nay ?  
Lênh đênh chút phận bèo mây,  
Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu ?

Trằn trọc luống đêm thâu, ngày tối,  
Biết cậy ai dập nỗi bi thương ?  
Trông mong luống những mơ màng,  
Mơ hồ bằng mộng, bàng hoàng như say.

Khi trận gió hoa bay thấp thoáng,  
Ngỡ hương trời bãng bãng còn đâu:  
Vội vàng sửa áo lên chầu,  
Thương ôi, quạnh quẽ trước lầu nhện giăng.

Khi bóng trăng, lá in lấp lánh,  
Ngỡ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi.  
Vội vàng dạo bước tới nơi,  
Thương ơi, vắng vẻ giữa trời tuyết sa !

Tưởng phong thể xót xa đòi đoạn,  
Mặt rồng sao cách gián lâu nay,  
Có ai chốn ấy về đây,  
Nguồn cơn xin ngỏ cho hay được đành ?

Nẻo u minh khéo chia đôi ngả,  
Nghĩ đòi phen, nồng nã đòi phen.  
Kiếp này chưa trọn chữ duyên,  
Ước xin kiếp khác vẹn tuyền lửa hương.

Nghe trước có đấng vương Thang, Võ,  
Công nghiệp nhiều tuổi thọ thêm cao;  
Mà nay áo vải cờ đào,  
Giúp dân dựng nước xiết bao công trình !

Nghe rành rành trước vua Nghiêu, Thuấn,  
Công đức dày, ngự vận càng lâu;  
Mà nay lượng cả, ơn sâu,  
Móc mưa rưới khắp chín châu đượm nhuần.

Công dường ấy, mà nhân dường ấy,  
Cõi thọ sao hẹp bấy hóa công ?  
Rộng cho chuộc được tuổi rồng,  
Đổi thân ắt hẳn bõ lòng tôi ngươi.

Buồn thay nhẽ, sương rơi gió lọt,  
Cảnh đìu hiu, thánh thót châu sa.  
Tưởng lời di chúc thiết tha,  
Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê.

Buồn thay nhẽ, xuân về hoa ở,  
Mối sầu riêng ai gỡ cho xong,  
Quyết liều mong vẹn chữ tòng,  
Trên rường nào ngại giữa dòng nào e.

Con trứng nước thương vì đôi chút,  
Chữ tình thâm chưa thoát được đi,  
Vậy nên nấn ná đòi khi,  
Hình tuy còn ở, phách thì đã theo;

Theo buổi trước ngự đèo Bồng Đảo,  
Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân,  
Theo xa thôi lại theo gần,  
Theo phen điện quế, theo lần nguồn hoa.

Đương theo bỗng tiếng gà sực tỉnh,  
Đau đớn thay ấy cảnh chiêm bao !  
Mơ màng thêm nỗi khát khao,  
Ngọc kinh chốn ấy ngày nào tới nơi ?

Tưởng thôi lại bồi hồi trong dạ,  
Nguyệt đồng sinh sao đã kíp phai ?  
Xưa sao sớm hỏi khuya bày,  
Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc tơ.

Giờ sao bỗng thờ ơ lặng lẽ,  
Tình [cô đơn](https://voh.com.vn/song-dep/status-co-don-337672.html), ai kẻ xét đâu ?  
Xưa sao gang tấc gần chầu,  
Trước sân phong nguyệt, trên lầu sính ca.

Giờ sao bỗng cách xa đôi cõi,  
Tin hàn huyên khôn hỏi thăm nhanh.  
Nửa cung gãy phím cầm lành,  
Nỗi con côi cút, nỗi mình bơ vơ !

Nghĩ nông nỗi ngẩn ngơ đòi lúc,  
Tiếng tử quy thêm giục lòng thương.  
Não người thay, cảnh tiên hương,  
Dạ thường quanh quất, mắt thường ngóng trông.

Trông mái đông: lá buồm xuôi ngược,  
Thấy mênh mông những nước cùng mây,  
Đông rồi thì lại trông tây:  
Thấy non cao ngất, thấy cây rườm rà.

Trông Nam thấy nhạn sa lác đác,  
Trông bắc thời ngàn bạc màu sương.  
Nọ trông trời đất bốn phương,  
Cõi tiên khơi thẳm, biết đường nào đi.

Cậy ai có phép gì tới đó,  
Dâng vật thường xin ngỏ lòng trung,  
Này gương là của Hán cung  
Ơn trên xưa đã soi chung đòi ngày.

Duyên hảo hợp xót rày nên lẽ,  
Bụng ai hoài vội ghẽ vì đâu ?  
Xin đưa gương ấy về chầu,  
Ngõ soi cho tỏ gót đầu trông ơn.

Tưởng linh sảng nhơn nhơn còn dấu,  
Nỗi sinh cơ có thấu cho không ?  
Cung xanh đang tuổi ấu xung  
Di mưu sao nỡ quên lòng đoái thương ?

Gót lân chỉ mấy hàng lẫm chẫm  
Đầu mũ mao, mình tấm áo gai,  
U ơ ra trước hương đài,  
Tưởng quang cảnh ấy chua cay lòng này.

Trong sáu viện ố đào, ủ liễu  
Xác ve gầy, lỏng lẻo xiêm nghê  
Long đong xa cách hương quê,  
Mong theo: lầm lối, mong về: tủi duyên.

Dưới bệ ngọc hàng uyên vò võ  
Cất chân tay thương khó xiết chi.  
Hang sâu nghe tiếng thương bi,  
Kẻ sơ còn thế, huống gì người thân.

Cảnh ly biệt nhiều phần bát ngát,  
Mạch sầu tuôn ai tát cho vơi ?  
Càng trông càng một xa vời,  
Tấc lòng thảm thiết, chín trời biết chăng ?

Buồn trông trăng, trăng mờ thêm tủi,  
Gương Hằng Nga đã bụi màu trong.  
Nhìn gương càng thẹn tấm lòng,  
Thiên duyên lạnh lẽo, đêm đông biên hà.

Buồn xem hoa, hoa buồn thêm thẹn,  
Cánh hải đường đã quyện [giọt sương](https://voh.com.vn/song-dep/tho-ve-suong-mu-489488.html).  
Trông chim càng dễ đoạn trường  
Uyên ương chiếc bóng, phượng hoàng lẻ đôi.

Cảnh nào cũng ngùi ngùi cảnh ấy  
Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu ?  
Phút giây bãi bể nương dâu,  
Cuộc đời là thế biết hầu nài sao ?

Chữ tình nghĩa trời cao, đất rộng,  
Nỗi đoạn trường còn sống còn đau.  
Mấy lời tâm sự trước sau,  
Đôi vầng nhật nguyệt trên đầu chứng cho.

(Tác giả: Lê Ngọc Hân)

**Bài thơ: Mãi mãi**

– Vâng, anh sẽ yêu em mãi mãi;  
Mãi mãi là trong những phút giây.  
Sắc hồng mãi mãi hôm nay,  
[Hoa sim](https://voh.com.vn/song-dep/tho-ve-hoa-sim-439814.html) nở rộ cuồng say một đồi;  
Em nói nhỏ: “hỡi người yêu dấu,  
Hãy yêu em mãi mãi nghe anh?”  
Say xưa anh cũng dặn tình:  
“Yêu anh mãi mãi nghe! Mình yêu anh.”  
Hoa nửa buổi muốn thành vạn thuở,  
Lòng một đời tính độ ngàn năm;  
Sông trôi núi lở âm thầm,  
Đường đi vũ trụ có cầm được đâu!  
Nhưng ta sẽ yêu nhau mãi mãi,  
Mãi mãi là trong những phút giây;  
Lâu dài là bóng, là mây,  
Là môi kỳ ngộ, là tay hảo cầu.  
Mãi mãi ở trong câu hò hẹn,  
Mãi mãi trong ý nguyện bình sinh;  
[Thời gian](https://voh.com.vn/song-dep/cau-noi-hay-ve-thoi-gian-315390.html) không phải của mình,  
Tình chỉ mãi mãi bằng tình tháng năm?  
Vâng, anh sẽ yêu em mãi mãi,  
Trong phút giây ân ái muôn đời.  
Mai kia dù có rẽ rời,  
Đôi ta đã mãi mãi ngồi bên nhau.

( Mãi mãi - Xuân Diệu)

### **Bài thơ: Đêm Khuya Tự Tình Với Sông Hương**

Bây giờ chỉ có đôi ta  
Bao nhiêu tâm sự Hằng Nga biết rồi  
Thuở nước non đến hồi non nước  
Sông Hương đành xuôi ngược đông tây  
Soi lòng chỉ có đám mây  
Đám mây phú quý những ngày lao đao  
Sao mặt sông xanh xao ra dáng  
Sao tình sông lai láng khôn ngăn?  
Vì ai lắm nỗi chứa chan  
Hay còn đợi khách quá giang một lần  
Này thử hỏi, thuyền nan thả lá  
Thuyền ai đây nấn ná bấy lâu?  
Mặc ai khanh tướng công hầu  
Không thèm chung đỉnh, lưng bầu gió trăng  
Sao trời đất đãi đằng ra thế?  
Sao mưa nguồn chớp bể luôn đêm?  
Trong thành yến ấm vui thêm  
Tiếng ca lanh lảnh lọt rèm rèm thưa  
Sông Hương hỡi, xuân vừa tơ liễu  
Cả trăm hoa hàm tiếu nhởn nhơ  
Vì đâu nước chảy lững lờ  
Hay cho thế sự cuộc cờ chiêm bao  
Ghét xa mã nao nao uốn khúc  
Giận thời gian những lứa xuân xanh  
Nhà ai khiêu vũ năm canh  
Hơi men sực nức dưới thành đô xưa  
Sao tức tối trôi bừa đi mãi  
Chẳng buồn nghe cô lái thở than  
“Thuyền em đậu bến Hương Giang  
Chờ người quân tử lỡ làng tình duyên”  
Thuyền lặng lẽ nằm yên với bóng  
Nước sống xuôi dợn sóng bến thuyền  
Trong thành ngủ chết con đen  
Khoá xuân bỏ lỏng đến then chẳng gài  
Hãy trông thử đền đài dinh thự  
Dấu xưa, xưa tình tứ làm sao  
Ô hay! Sóng chảy dạt dào  
Chiếc thuyền vô định tạc vào bến mê  
Sao trai gái đi về trong mộng  
Mà sông Hương chẳng động niềm riêng  
Trong thành để lạnh hương nguyền  
Tiếng gà gáy nguyệt láng giềng còn say.

### **Bài thơ: Thuyền neo bến đậu**

Em nhớ mãi chiều thu lá đổ  
Mình bên nhau cạn tỏ nguồn cơn  
Chạnh lòng anh vọng lời thương  
Xa xa vẳng tiếng nghe dường nỉ non  
Anh khắc khoải lòng son giữ mãi  
Đời biển dâu xa xót tình đau  
Lời anh nghe thấm từng câu  
Người như ôm cả nỗi sầu thế nhân  
Hai ta cứ tần ngần nuối tiếc  
Một đời em tha thiết từng mơ  
Nào ai học được chữ ngờ  
Gối chăn hờ hững sương mờ phủ giăng  
Anh chốn ấy! Mộng nay đã hết  
Em ngồi đây lặng chết từng giây  
Một mình trăn trở đêm nay  
Biết ai hiểu thấu đắng cay chuyện lòng  
Xuân trở giấc hoa không muốn trổ  
Ngại ngần lo sầu khổ bao mùa  
Thôi đành duyên kiếp đẩy đưa  
Thuyền neo bến hẹn gió mùa lắt lay  
Tình chợt đến, chợt đi, ai biết  
Đường vào tim khôn xiết bẽ bàng  
Chòng chành với chiếc đò ngang  
Mai sau biết có vẹn toàn được chăng.

(Tác giả: Hoàng Mai)

### **Bài thơ: Bà Má Hậu Giang**

Trời [Hậu Giang](https://voh.com.vn/song-dep/tho-ca-dao-tuc-ngu-ve-hau-giang-493832.html), tù và dậy rúc  
Phèn la kêu, trống giục vang đồng  
Đường quê đỏ rực cờ hồng  
Giáo gươm sáng đất, tầm vông nhọn trời  
Quyết một trận, quét đời nô lệ  
Quăng máu xương, phá bẻ xiềng gông!

Hỡi ôi! Việc chửa thành công  
Hôm nay máu chảy đỏ đồng Hậu Giang  
Giặc lùng, giặc đốt xóm làng  
Xác xơ cây cỏ, tan hoang cửa nhà  
Một vùng trắng bãi tha ma  
Lặng im, không một tiếng gà gáy trưa.

Có ai biết, ai ngờ trong đó  
Còn chơ vơ một ổ lều con  
Đạn bom qua, hãy sống còn  
Núp sau lưng rộng một hòn đá to.  
Có ai biết trong tro còn lửa  
Một má già lần lữa không đi  
Ở đây sóng gió bất kỳ  
Má ơi, má ở làm chi một mình?  
Rừng một dải U Minh tối sớm  
Má lom khom đi lượm củi khô  
Ngày đêm củi chất bên lò  
Ai hay má cất củi khô làm gì?  
Hay má lẫn quên vì tuổi tác  
Hay má liều một thác cho yên?

Bỗng đâu một buổi mai lên  
Trên đường quê ấy, qua miền nghĩa quân  
Một toán quỷ rầm rầm rộ rộ  
Mắt mèo hoang, mũi chó, râu dê  
Súng trường nhọn hoắt lưỡi lê  
Khét nồng khí chết, tanh dề máu oan!  
Chúng rảo bước. Lính quan nện gót  
Mắt nhìn quanh lục mót dạng người  
Đồng không, lạnh vắng, im hơi  
Chỉ đôi bóng quạ ngang trời loáng qua  
Ách-là! Thằng quan ba dừng bước  
Rút ống dòm, và ngước mắt nheo  
Xa xa, sau lớp nhà xiêu  
Một tia khói nhỏ ngoằn ngoèo bay lên...  
Hắn khoái trá cười điên sằng sặc  
Nhe hàm răng sáng quắc như gươm  
Vẫy tay lũ tớ gườm gườm  
Như bầy chó đói chực chồm miếng ăn.  
Rồi lặng lặng bước chân hùm sói  
Tiến dần lên tia khói, vây quanh...

Má già trong túp lều tranh  
Ngồi bên bếp lửa, đun cành củi khô  
Một mình má, một nồi to  
Cơm vừa chín tới, vùi tro, má cười...  
Chết! Có tiếng gì rơi sột soạt?  
Má già run, trán toát mồ hôi  
Chạy đâu? Thôi chết, chết rồi!  
Gót giày đâu đã đạp rơi liếp mành.  
Một thằng cướp, mắt xanh mũi lõ  
Đốc gươm dài tuốt vỏ cầm tay  
Rung rinh bậc cửa tre gầy  
Nghênh ngang một ống chân đầy lối đi!

Hắn rướn cổ, giương mi, trơn mắt  
Như hổ mang chợt bắt được mồi  
Trừng trừng trông ngược trông xuôi  
Trông vào bếp lửa: Một nồi cơm to.  
Hắn rống hét: “Con bò cái chết!  
Một mình mày ăn hết này sao?  
Đừng hòng che được mắt tao  
Khai mau, du kích ra vào nơi đâu?  
Khai mau, tao chém mất đầu!”  
Má già lẩy bẩy như tàu chuối khô  
Má ngã xuống bên lò bếp đỏ  
Thằng giặc kia đứng ngõ trừng trừng  
Má già nhắm mắt, rưng rưng  
“Các con ơi, ở trong rừng U Minh  
Má có chết, một mình má chết  
Cho các con trừ hết quân Tây!”  
Thằng kia bỗng giậm gót giày  
Đạp lên đầu má: “Mẹ mày, nói không?”  
Lưỡi gươm lạnh toát kề hông  
“Các con ơi! Má quyết không khai nào!”  
Sức đâu như ngọn sóng trào  
Má già đứng dậy, ngó vào thằng Tây  
Má hét lớn: “Tụi bay đồ chó!  
Cướp nước tao, cắt cổ dân tao!  
Tao già không sức cầm dao  
Giết bay, có các con tao trăm vùng!  
Con tao, gan dạ anh hùng  
Như rừng đước mạnh, như rừng chàm thơm!  
Thân tao chết, dạ chẳng sờn!”  
Thương ôi! Lời má lưỡi gươm cắt rồi!  
Một dòng máu đỏ lên trời  
Má ơi, con đã nghe lời má kêu!  
Nước non muôn quỷ ngàn yêu  
Còn in bóng má sớm chiều Hậu Giang.

(Tác giả: Tố Hữu)

### **Bài thơ: Hai Chữ Nước Nhà**

Chốn Ải Bắc mây sầu ảm đạm  
Cõi trời Nam gió thảm đìu hiu  
Bốn bề hổ thét chim kêu  
Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình

Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước  
Chút thân tàn lần bước dặm khơi  
Trông con tầm tã châu rơi  
Con ơi con nhớ lấy lời cha khuyên:

Giống Hồng Lạc hoàng thiên đã định  
Mấy ngàn năm suy thịnh đổi thay  
Trời Nam riêng một cõi này  
Anh hùng, hiệp nữ xưa nay kém gì!

Than vận nước gặp khi biến đổi  
Ðể quân Minh thừa hội xâm lăng  
Bốn phương khói lửa bừng bừng  
Xiết bao thảm hoạ xương rừng máu sông!

Nơi đô thị thành tung quách vỡ  
Chốn dân gian bỏ vợ lìa con  
Làm cho xiêu tán hao mòn  
Lạ gì khác giống dễ còn thương đâu!

Thảm vong quốc kể sao cho xiết  
Trông cơ đồ nhường xé tâm can  
Ngậm ngùi khóc đất giời than  
Thương tâm nòi giống lầm than nỗi này!

Khói Nùng lĩnh như xây khối uất  
Sóng Long giang nhường vật cơn sầu  
Con ơi! càng nói càng đau...  
Lấy ai tế độ đàn sau đó mà?

Cha xót phận tuổi già sức yếu  
Lỡ sa cơ đành chịu bó tay  
Thân lươn bao quản vũng lầy  
Giang sơn gánh vác sau này cậy con

Con nên nhớ tổ tông khi trước  
Đã từng phen vì nước gian lao  
Bắc Nam bờ cõi phân mao  
Ngọn cờ độc lập máu đào còn dây

Kìa Trưng nữ ra tay buồm lái  
Phận liễu bồ xoay với cuồng phong  
Giết giặc nước, trả thù chồng  
Nghìn thu tiếng nữ anh hùng còn ghi

Kìa Hưng Đạo gặp khi quốc biến  
Vì giống nòi quyết chiến bao phen  
Sông Bạch Đằng phá quân Nguyên  
Gươm reo chính khí nước rền dư uy

Coi lịch sử gươm kia còn tỏ  
Mở dư đồ đất nọ chưa tan  
Giang san này vẫn giang san  
Mà nay sẻ nghé tan đàn vì ai?

Con nay cũng một người trong nước  
Phải nhắc câu Gia, Quốc đôi đường  
Làm trai hồ thỉ bốn phương  
Sao cho khỏi thẹn với gương Lạc Hồng

Thời thế có anh hùng là thế  
Chữ vinh hoa xá kể làm chi!  
Mấy trang hào kiệt xưa kia  
[Hy sinh](https://voh.com.vn/song-dep/hy-sinh-la-gi-474913.html) thân thế cũng vì nước non

Con đương độ đầu xanh tuổi trẻ  
Bước cạnh tranh há dễ nhường ai?  
Phải nên thương lấy giống nòi  
Đừng tham phú quý mà nguôi tấc lòng

Kiếp luồn cúi, đỉnh chung cũng nhục;  
Thân tự do chiên chúc mà vinh  
Con ơi nhớ đức sinh thành  
Sao cho khỏi để ô danh với đời

Chớ lần lữa theo loài nô lệ  
Bán tổ tiên kiếm kế sinh nhai  
Đem thân đầy đọa tôi đòi  
Nhục nhằn bêu riếu muôn đời hay chi?

Sống như thế, sống đê, sống mạt  
Sống làm chi thêm chật non sông!  
Thà rằng chết quách cho xong  
Cái thân cẩu trệ ai mong có mình!

Huống con cũng học hành khôn biết  
Làm giống người phải xét nông sâu  
Tuồng chi gục mặt cúi đầu  
Cam tâm làm kiếp ngựa trâu cho đành!

Nỗi tâm sự đinh ninh dường ấy  
Cha khuyên con có bấy nhiêu lời  
Con ơi! con phải là người  
Thì con theo lấy những lời cha khuyên

Cha nay đã muôn nghìn bi thảm  
Nói bao nhiêu tâm khảm càng đau!  
Chân mây mặt cỏ rầu rầu  
Càng trông cố quốc mạch sầu càng thương!

Lời cha dặn khắc xương để dạ  
Mấy gian lao con chớ sai nguyền  
Tuốt gươm thề với vương thiên  
Phải đem tâm huyết mà đền cao sâu

Gan tráng sĩ vững sau như trước  
Chí nam nhi lấy nước làm nhà  
Tấm thân xẻ với san hà  
Tượng đồng bia đá hoạ là cam công

Nữa mai mốt giết xong thù nghịch  
Mũi long tuyền lau sạch màu tanh  
Làm cho đất rộng trời kinh  
Bấy giờ quốc hiển gia vinh có ngày!

Nghĩa vụ đó con hay chăng tá?  
Tính toán sao vẹn cả đôi đường  
Cha dù đất lạ gởi xương  
Trông về cố quốc khỏi thương hồn già

Con ơi! Hai chữ nước nhà!

(Tác giả: Trần Tuấn Khải)

### **Bài thơ: Chuyện Tình Không Đoạn Kết**

Người tìm đến một chiều đông giá  
Khi đời em lòng dạ ngổn ngang  
Duyên đầu vội sớm ly tan  
Anh đem nắng ấm… chứa chan xuân về  
Qua rồi tuổi đam mê tình ái  
Em và người gặp lại là duyên  
Nửa vòng trái đất mỗi đêm  
Xa xôi cách trở nỗi niềm tỏ phân  
Dòng thư tỏ thu dần khoảng cách  
Người và em dằng dặc đêm trường  
Cánh chim bạt gió tha hương  
Trái tim vết khắc một đường hằn sâu  
Dòng tâm sự đớn đau thân xác  
Nỗi đoạn trường than trách ai đây  
Tỏ tường bao nỗi đắng cay  
Trời cao có thấu lòng này hay chăng  
Người gọi ta hồng nhan tri kỷ  
Ta gọi người thủ thỉ tình quân  
Mỗi năm vào dịp nghinh tân  
Cùng nhau dạo Hội hoa xuân quê nhà  
Thấm thoát sáu năm dài ròng rã  
Luôn ưu tư tấc dạ u hoài  
Cớ chi duyên ngắn tình dài  
Trách sao Tạo Hóa đọa đày hồng nhan

(Tác giả: Hoàng Mai)

### **Bài thơ: Nhớ Ơn Cha Mẹ**

Ngày tháng bảy mưa rơi lướt thướt  
Chạnh lòng con sướt mướt canh thâu  
Mẹ cha giờ khuất nơi đâu  
Dương gian hay cõi thâm sâu ngút ngàn  
Đêm trở gió bàng hoàng tỉnh giấc  
Nhớ công ơn chất ngất lòng đau  
Mẹ cha khuất bóng đã lâu  
Con chưa đền đáp ơn sâu cửu trùng  
Nhớ cái thuở bần cùng cạn kiệt  
Cha đảm đương mải miết vườn rau  
Cơm canh khoai sắn bên nhau  
Chắt chiu ngày tháng mong cầu vươn lên  
Thời gian vững lòng bền cha bước  
Lên tỉnh thành sau trước lo toan  
Đàn con sâm sấp hiền ngoan  
Mẹ thay cha dạy bảo ban con khờ  
Rồi đến lúc con thơ đã lớn  
Bỏ mẹ cha về chốn phồn hoa  
Đứa an phận đứa bôn ba  
Xót xa con trẻ lệ nhòa đêm thâu  
Khi con đã bắt đầu ổn định  
Thì mẹ cha thân tịnh bất an  
Mẹ đi về chốn mây ngàn  
Cha thương nhớ mẹ võ vàng theo sau  
Con chưa kịp ơn sâu đền đáp  
Chỉ mong sao [Phật Pháp](https://voh.com.vn/song-dep/cau-noi-hay-cua-phat-315432.html) nhiệm màu  
Mẹ cha thoát cảnh khổ đau…  
Luân hồi sanh tử nguyện cầu vãng sanh

(Tác giả: Hoàng Mai)

### **Bài thơ: Đôi Mắt**

Có hoa nào qua mùa không héo?  
Có tiếng nào giàu đẹp hơn không?  
Mắt em là một dòng sông  
Thuyền anh bơi lội giữa dòng mắt em.  
Đàn “nguyệt dạ” hương đêm bay lạc  
Gì buồn hơn tiếng vạc lưng chừng?  
Phép gì khỏi nhớ đừng trông  
Mắt em bỏ túi, vắng lòng đem soi.

(Tác giả: Lưu Trọng Lư)

Những bài thơ song thất lục bát khiến không chỉ đong đầy cảm xúc, mà còn mang nhiều ý nghĩa sâu sắc. Mỗi dòng thơ như tiếng lòng từ chính tác giả, chạm đến trái tim hàng triệu độc giả mến mộ thơ ca Việt trong suốt mấy mươi năm.

Cách gieo vần thơ song thất lục bát thoạt nhìn qua, tưởng chừng như không theo bất cứ quy luật thơ ca nào. Tuy nhiên khi nhìn lại bạn sẽ thấy được cách bỏ chữ đầy thú vị, không tạo cảm giác gò bó. Tác giả dễ dàng thổi hồn mình vào từng câu thơ, chạm đến trái tim người mến mộ, tạo nên nét đặc trưng riêng.

### **Hoạt động 1.2: GV yêu cầu HS nhắc lại tri thức của kiểu bài:**

+ Giới thiệu khái quát về tác phẩm thơ song thất lục bát (tên tác phẩm, tên tác giả), nêu được nhận định chung của người viết về tác phẩm.

+ Làm rõ được nội dung chủ đề của tác phẩm.

+ Phân tích được những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (vần, nhịp, từ ngữ, biện pháp tu từ,…) và hiệu quả thẩm mĩ của chúng; tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật của tác phẩm.

+ Triển khai được hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ, bằng chứng xác đáng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.

+ Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

## Hoạt động 1.3: GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình viết theo các bước

### **a. Trước khi viết**

**\* Lựa chọn đề tài:**

Nhớ lại các tác phẩm song thất lục bát đã học hoặc đã đọc. Chọn trong số đó một tác phẩm em thấy thú vị, có nhiều xúc cảm để phân tích.

**\* Tìm ý:**

– Tìm hiểu thông tin về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm (nếu có) và những thông tin khác có liên quan để viết phần Mở bài và liên hệ, mở rộng khi phân tích.

– Xác định bố cục của tác phẩm và nội dung chính của từng phần.

– Xác định những nỗi niềm tâm tư, xúc cảm chủ đạo trong tác phẩm.

– Tìm hiểu các yếu tố nghệ thuật mà tác giả đã sử dụng để truyền tải nội dung chủ đề.

=> Bài viết nên kết hợp phân tích nội dung và nghệ thuật để làm rõ sự hô ứng, hòa quyện của hai phương diện này trong cùng một (hoặc một nhóm) câu thơ. Việc triển khai bài sẽ thuận lợi hơn khi lần lượt phân tích theo trình tự các phần của tác phẩm thơ.

**\* Lập dàn ý:**

+ Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác phẩm thơ song thất lục bát (nhan đề, tên tác giả) và nêu ý kiến chung về tác phẩm.

+ Thân bài: Lần lượt phân tích các phần theo bố cục tác phẩm thơ:

* Phần 1 (từ câu… đến câu…): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,… và một số nét đặc sắc về nghệ thuật.
* Phần 2 (từ câu… đến câu…): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,… và một số nét đặc sắc về nghệ thuật.
* ...

Ngoài cách phân tích tác phẩm theo bố cục, có thể phân tích theo lần lượt đi từ nội dung đến hình thức nghệ thuật hoặc ngược lại.

+ Kết bài: Khẳng định ý nghĩa, giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ.

### **b. Viết bài**

– Triển khai đầy đủ các ý đã có trong dàn ý. Mỗi ý trong phần Thân bài nên được viết thành một đoạn văn.

– Khi viết, lựa chọn những từ ngữ chính xác, phù hợp, thể hiện được quan điểm và tình cảm của người viết, tránh sử dụng những từ ngữ sáo rỗng, cầu kì. Nên sử dụng hiệu quả các thông tin ngoài tác phẩm (nếu có), giúp cho việc phân tích các giá trị của tác phẩm được rõ ràng, nổi bật hơn.

Lưu ý: Với trường hợp tác phẩm thơ dài, có thể trích dẫn ở mỗi phần những câu thơ, đoạn thơ quan trọng và phân tích sâu. Tùy điều kiện, thời gian làm bài để có cách xử lí thích hợp.

### **c. Chỉnh sửa bài viết**

Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát và dàn ý đã lập, rà soát các phần chỉnh sửa. Việc chỉnh sửa có thể thực hiện theo gợi ý sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** |
| Kiểm tra việc triển khai dàn ý | – Rà soát xem đã triển khai đầy đủ các ý chưa, nếu thiếu thì phải bổ sung.  – Rà soát xem bài viết đã phân tích các giá trị nội dung và nghệ thuật (đặc biệt là đã khai thác những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát) của tác phẩm chưa. Nếu thiếu thì phải bổ sung.  – Đối chiếu quy mô và dung lượng thông tin giữa các ý. Nếu chưa cân đối thì cần điều chỉnh. |
| Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt | Chỉnh sửa các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, tạo lập đoạn văn và văn bản (nếu có). |

* **Hoạt động 1.4:** **Yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo**

TRƯA VẮNG

Hồn tôi đấy: căn trường nho nhỏ,  
Nước vôi xanh, bờ cỏ tươi non  
Lâu rồi còn thoảng mùi thơm,  
Chân đi nghe động tới hồn ngây thơ  
  
Sâu rộng quá những giờ vui trước!  
Nhịp cười say trên nước chưa trôi.  
Trưa hè thường thấy hai tôi  
Ném đầu chim chích, bắt đuôi chuồn chuồn  
  
Đời đẹp quá, tôi buồn sao kịp?  
Trang sách đầu chép hết giây mơ.  
Ngả mình trên bóng nhung tơ,  
Tôi nguyền: sau lớn làm thơ suốt đời!  
  
Cỏ mấy bận xanh rồi lại tạ,  
Gió lùa thu trong lá bao lần...  
Bạn trường những bóng phù vân,  
Xót thương mái tóc nay dần hết xanh.  
  
Hồn xưa dậy: chim cành động nắng,  
Lá reo trên hồ lặng lờ trong  
Trưa im, im đến não nùng,  
Tôi ngờ trống học trong lòng trưa vang...

(Hồ Dzếnh, *Quê ngoại*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996, tr. 62 – 63)

Hồ Dzếnh (1916 – 1991) là tác giả đã khẳng định được tên tuổi từ phong trào Thơ mới. Các thi phẩm của ông gợi cho người đọc ấn tượng về một giọng thơ ấm áp, chân thật. Đọc thơ ông, ta có cảm giác như ông đang kể câu chuyện cuộc đời mình. Bài thơ *Trưa vắng* in trong tập thơ *Quê ngoại*(1942) là một sáng tác tiêu biểu cho giọng thơ, hồn thơ của thi sĩ.

Bài thơ mở đầu bằng lời chia sẻ:

*Hồn tôi đấy: căn trường nho nhỏ,  
Nước vôi xanh, bờ cỏ tươi non  
Lâu rồi, còn thoảng mùi thơm  
Chân đi nghe động tới hồn ngây thơ.*

Đó là câu chuyện của “hồn tôi” được nhà thơ kể lại, một thế giới ăm ắp những kỉ niệm, những xúc cảm thân thương. Nơi ấy có ngôi trường “nho nhỏ” tác giả từng gắn bó thời thơ ấu. Ngôi trường ấy được quét “nước vôi xanh”, cỏ “bờ cỏ tươi non” và “thoảng mùi thơm”, rộn vang tiếng “chân đi”,... Hình ảnh ngôi trường lưu lại trong tâm hồn tác giả rõ mồn một từng chi tiết, được cảm nhận qua cả thị giác, khứu giác và thính giác, như vẫn đang hiện hữu với vẻ đẹp xinh xắn, tinh khôi. Những câu thơ song thất lục bát giàu vần điệu (mỗi khổ thơ gồm một cặp câu thơ 7 chữ và một cặp lục bát luôn có tới 7 tiếng được gieo vần, điều không một thể thơ nào khác có được) dẫn dắt người đọc vào thế giới tâm hồn của thi sĩ, ở đó, những câu chuyện diễn ra từ thuở cắp sách đến trường mà có cảm giác như đang sống động trước mắt.

Trong thế giới của kí ức ấy, có bao kỉ niệm không thể nào quên, khiến tác giả kể một cách say sưa:

*Sâu rộng quá những giờ vui trước!   
Nhịp cười say trên nước chưa trôi.  
Trưa hè thường thấy hai tôi   
Ném đầu chim chích, bắt đuôi chuồn chuồn.*

Khi miêu tả “những giờ vui trước” là “sâu rộng” (biện pháp tu từ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, dùng cảm nhận không gian để miêu tả thời gian), thi nhân muốn thể hiện những xúc cảm đang ngập tràn tâm hồn mình. Đó là niềm vui một thời cùng anh trai (tác giả có hai người anh trai, nhân vật “hai tôi” chính là người anh cả) của mình đùa chơi trên sông, nghịch trò “ném đầu chim chích, bắt đuôi chuồn chuồn”. Câu thơ “Ném đầu chim chích, bắt đuôi chuồn chuồn" miêu tả những trò chơi tuổi dại khờ năm xưa, đồng thời gợi ra biết bao trò tinh nghịch khác (nhờ hiệu quả của phép đối), giờ đã trở thành kỉ niệm vô giá của hai anh em.

Những năm tháng không thể nào quên ấy không chỉ luôn sống trong kí ức mà còn trở thành nguồn động lực để đi tới tương lai: trở thành nhà thơ vì thấy cuộc đời quá đẹp!

*Đời đẹp quá, tôi buồn sao kịp?  
Trang sách đầu chép hết giây mơ.  
Ngả mình trên bóng nhung tơ,  
Tôi nguyền: sau lớn làm thơ suốt đời!*

Vẻ đẹp của cuộc đời và tình yêu tha thiết dành cho cuộc đời được thi sĩ thể hiện qua câu hỏi tu từ: “Đời đẹp quá, tôi buồn sau kịp?”. Vì muốn ghi lại những vẻ đẹp ấy, thể hiện tình yêu ấy, tác giả đã nguyện “làm thơ suốt đời”. Câu thơ “Tôi nguyền: sau lớn làm thơ suốt đời!” có thể sử dụng một trong hai cách ngắt nhịp 2/2/2/2 hoặc 2/6. Nếu cách ngắt đều đặn theo nhịp 2/2/2/2 tạo cảm nhận về một lời giãi bày, tâm sự, thì cách ngắt nhịp 2/6 lại tạo ra sự biến điệu: hai tiếng đầu là lời “tuyên thệ” dõng dạc, tự hứa với lòng mình; sáu tiếng còn lại là nội dung “tuyên thệ” đầy tâm huyết, thiết tha. Dù chọn cách ngắt nhịp nào thi hai tiếng “tôi nguyền” vẫn được ngắt riêng, thể hiện một quyết tâm mạnh mẽ, dứt khoát, không gì lay chuyển được. Lời nguyện ước năm ấy của “tôi” đã trở thành hiện thực, và chúng ta nhận ra rằng mỗi phút giây mà con người trải qua không phải là một sự trôi đi, biến mất trong dĩ vãng, mà là một sự lắng lại, tiếp tục hiện hữu, như phù sa bồi đắp nên đôi bờ. Đời thơ ấy đã lắng đọng nên hồn thơ ấy.

Kể từ đó, thời gian thấm thoắt thoi đưa:

*Cỏ mấy bận xanh rồi lại tạ  
Gió lùa thu trong lá bao lần...  
Bạn trường: những bóng phù vân,  
Xót thương mái tóc nay dần hết xanh.*

Cuộc sống đã có biết bao biến đổi: cỏ cây đã bao lần héo úa rồi lại xanh tươi; trời đất đã bao độ thu đến rồi lặn, bạn học cùng mái trường năm ấy giờ như “bóng phù vân”, mỗi người mỗi ngả, bản thân thi sĩ cũng dần bạc mái đầu. Dấu chấm lửng nằm giữa những câu thơ miêu tả thiên nhiên và miêu tả con người không tạo sự ngăn cách giữa hai nhóm đối tượng này, mà như một khoảng lặng thẫn thờ của thi sĩ, chất chứa những ngậm ngùi trước dòng chảy của thời gian.

Tuy vậy, với Hồ Dzếnh, cuộc sống có thay đổi thế nào thì dấu ấn của những kỉ niệm xưa vẫn không phai mờ trong tâm trí:

*Hồn xưa dậy: chim cành động nắng,  
Lá reo trên hồ lặng lờ trong  
Trưa im, im đến não nùng  
Tôi ngờ trống học trong lòng trưa vang...*

Người yêu thơ không khó để nhận ra sự đồng điệu về xúc cảm giữa khổ thơ này với những câu thơ “Gì sâu bằng những trưa thương nhớ/ Hiu quạnh bên trong một tiếng hò!” và “Gì sâu bằng những trưa hiu quạnh/ Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!” trong bài thơ *Nhớ đồng*của Tố Hữu. Buổi trưa ở xứ nhiệt đới là khoảng thời gian nghỉ ngơi, là quãng lặng giữa hai buổi làm việc trong ngày. Chính quãng lặng của trưa vắng ấy đã trở thành một khoảng thời gian đặc biệt, có thể khiến tâm hồn con người sống dậy những hồi tưởng, hoài niệm. Trong buổi trưa vắng hôm ấy, không rõ tiếng trống làm thức dậy kỉ niệm xưa hay kỉ niệm xưa làm dậy vang tiếng trống trong hồn thi nhân. Dấu chấm lửng cuối bài thơ thể hiện âm vang tiếng trống trường năm xưa còn chưa dứt. Với thi nhân, quá khứ không chỉ là những hoài niệm. Quá khứ vẫn đang hiện hữu trong hiện tại.

Bài thơ được viết bằng ngôn ngữ tự nhiên, mộc mạc và giàu biểu cảm như một tự truyện ngọt ngào, thể hiện những rung cảm nhẹ nhàng mà sâu lắng của tâm hồn thi nhân. Thể thơ song thất lục bát xen kẽ từng cặp câu thơ bảy chữ và cặp câu thơ lục bát đầy biến tấu, giàu vần điệu, ngắt nhịp đa dạng, có khả năng chuyển tải những xúc cảm muôn màu, rất phù hợp để nhà thơ bộc bạch lòng mình. Bài thơ làm sống dậy trong ta những kỉ niệm của tuổi ấu thơ, thuở cắp sách tới trường, khiến ta thêm yêu quý, trân trọng những phút giây mình đã và đang sống.

*(Nhóm biên soạn)*

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH VIẾT VỀ KIỂU BÀI**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| - GV phát các phiếu bài tập cho hs  - HS nhận phiếu  - GV tổ chức và hướng dẫn hs thực hiện việc giải quyết các bài tập  - HS thực hiện theo hướng dẫn; Báo cáo sản phẩm đã thực hiện  - GV đánh giá và chốt kiến thức | - BÀI LÀM CỦA HS  - ĐÁP ÁN CỦA GV |

### **Đề bài: Chọn phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát mà em yêu thích**

**- Mở bài:** Giới thiệu khái quát về tác phẩm thơ song thất lục bát (nhan đề, tên tác giả) và nêu ý kiến chung về tác phẩm.

**- Thân bài:**

Làm rõ được nội dung chủ đề của tác phẩm.

Có thể lựa phân tích theo bố cục tác phẩm thơ:

+ Phần 1 (từ câu…đến câu…): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,…và một số nét đặc sắc về nghệ thuật.

+ Phần 2 (từ câu…đến câu…): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,…và một số nét đặc sắc về nghệ thuật.

+…

**- Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa, giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ.

**Ví dụ: Phân tích bài thơ Hai chữ nước nhà của Á Nam Trần Tuấn Khải**

Hai chữ nước nhà là bài thơ mở đầu tập **Bút quan hoài I** của Trần Tuấn Khải, được sáng tác vào năm 1926. Bài thơ lấy đề tài lịch sử thời kì nước ta bị quân Minh xâm lược (thế kỉ XV). Cha con Nguyễn Trãi đã bị thất thế trong cuộc xâm lược này của quân giặc. Nguyễn Phi Khanh bị giặc bắt giải về Trung Quốc, Nguyễn Trãi định theo cha nhưng tới biên giới phía Bắc, Nguyễn Phi Khanh khuyên Nguyễn Trãi nên quay trở về để tính chuyện trả thù cho cha, cho dân tộc.

Tác giả bài thơ đã mượn lời người cha căn dặn con để viết nên tác phẩm mang tinh thần yêu nước sâu sắc và ý nguyện độc lập dân tộc. Đoạn trích “Hai chữ nước nhà” gồm 36 câu thơ được Trấn Tuấn Khải sáng tác vào năm 1926, in trong tập Bút quan hoài I. Những đề tài lịch sử, những gương anh hùng dân tộc đã được Trần Tuấn Khải ghi lại nhằm khích lệ tinh thần yêu nước, nói lên nỗi nhục của những người mất nước, qua đó thể hiện khác vọng độc lập, tự do của tác giả.

Trong lời đề từ của bài thơ, tác giả nói rõ cảm hứng của mình là Nghĩ lời ông Phi Khanh dặn ông Nguyễn Trãi khi ông bị quân Minh bắt giải sang Tàu. Từ chi tiết này, ta có thể thấy Hai chữ nước nhà là bài thơ mượn đề tài lịch sử để thể hiện tinh thần yêu nước của tác giả.

Phần đầu của bài thơ, tác giả gợi lên cảnh đau thương của đất nước khi bị quân Minh xâm lược. Những hình ảnh nhân hóa rất gợi cảm như mây sầu ảm đạm, gió thảm đìu hiu, hổ thét chim kêu đã cho thấy sự đau thương của đất nước dưới ách đô hộ của nhà Minh. Sông núi cũng mang một nỗi đau như con người. Cả một không gian rộng lớn từ chốn ải Bắc đến cõi giời Nam và khắp bốn bể đều thấm máu và nước mắt của bao con người Việt Nam.

*Chốn ải Bắc mây sầu ảm đạm,*

*Cõi giời Nam gió thảm đìu hiu,…*

*Chút thân tàn lần bước dặm khơi,*

*Trông con tầm tã châu rơi*

Trước cảnh đất nước bị đô hộ người cha trên đường đi đày vẫn còn ngỗn ngang nỗi niềm. Các chữ trong đoạn thơ đã thể hiện niềm uất hận của người anh hùng thất thế, một bi kịch mà người cha đang gặp. Câu thơ thấm đầy nỗi niềm, giọng thơ vừa thiết tha vừa nào nùng: Con ơi, con nhớ lấy lời cha khuyên. Trước khi ra đi, người cha chỉ kịp nhắn gửi đến con những nỗi niềm của mình giao phó trách nhiệm trọng đại lại cho con

*Giống Hồng Lạc hoàng tiên đã định,*

*Mấy ngàn năm suy thịnh đổi thay*

*Giời Nam riêng một cõi này,*

*Anh hùng hiệp nữ xưa nay kém gì!*

Câu Anh hùng hiệp nữ xưa nay kém gì! như muốn nhắc người con khắc ghi lòng tự tôn dân tộc, nối tiếp truyền thống của những người đi trước quên mình vì độc lập của dân tộc. Những câu thơ sau trở nên đầy hận khí khi người cha nói về những tội ác tày trời của quân giặ

*Bốn phương khói lửa bừng bừng,*

*Xiết bao thảm họa xương rừng máu sông*

Những hình ảnh như khói lửa bừng bừng, xương rừng máu sông, thành tung quách vỡ, đất khóc giời than… tuy mang tính ước lệ nhưng vẫn có sức truyền cảm mạnh mẽ vì đã gợi lên bao nỗi nhục mất nước, lòng căm thù đối với quân giặc. Người cha trước khi đi nhìn cảnh đất nước mà đau đớn lòng. Càng lo cho vận mệnh của đất nước thì nỗi đau ấy càng thêm chất chứa. Câu cảm thán kết hợp với câu hỏi tu từ cất lên vô cùng thống thiết:

*Con ơi! càng nói càng đau,*

*Lấy ai tế độ đàn sau đó mà*

Lời thơ như chứa đầy lệ, có lời than, có tiếng nức nở. Ở đây không còn là lời cha dặn con đơn thuần mà là lời của cả một dân tộc. Những câu cuối cùng trong bài thơ vừa nói lên bi kịch của người cha: tuổi già sức yếu, sa cơ đành chịu bó tay, vừa đặt niềm tin vào người con trong việc trả thù nhà, gánh nợ nước: Giang sơn gánh vác sau này cậy con. Những lời tha thiết dặn con lần cuối như vì nước, nhớ tổ tông mệnh lệnh cho người con trong hoàn cảnh đau buồn của đất nước.

*Con nên nhớ tổ tông khi trước*

*Đã từng phen vì nước gian lao,*

*Bắc Nam bờ cõi phân mao*

*Ngọn cờ độc lập máu đào còn đây…*

Có thể nói, **Hai chữ nước nhà** là bài thơ hay và cảm động. Bài thơ thể hiện một cách cô đọng nỗi đau mất nước, đồng thời khích lệ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, nêu cao khát vọng độc lập tự do của cả dân tộc. Hai chữ nước nhà không còn là lời giữa hai cha con với nhau mà là lời của Tổ quốc, của dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp.